TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG, KHỐNG CHẾ BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Ngày 20/5/2019, Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 34-CT/TW về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống, khống chế bệnh dịch tả lợn châu Phi. Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Coi nhiệm vụ phòng, chống, khống chế bệnh dịch tả lợn châu Phi là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách lúc này, phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và tổ chức xã hội... tổ chức thực hiện khẩn trương, kiên quyết, đồng bộ các biện pháp do Chính phủ và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn về phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi; quyết tâm khống chế bệnh dịch tả lợn châu Phi trong thời gian nhanh nhất để bảo đảm điều kiện tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, cải thiện đời sống nhân dân.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền đến từng cán bộ, đảng viên và nhân dân để mọi người đều nhận rõ tính chất nguy hiểm và tác hại nghiêm trọng của bệnh dịch tả lợn châu Phi đã và đang xảy ra đối với các hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân. Động viên toàn Đảng, toàn dân, lực lượng vũ trang tích cực tham gia vào công tác phòng, chống dịch, giảm thiểu tổn thất về kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, thông tin kịp thời, chính xác cho người dân theo nguyên tắc vừa bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch bệnh, vừa bảo vệ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thịt lợn, tránh gây hoang mang trong xã hội.

Động viên các tầng lớp nhân dân chủ động tham gia tích cực vào công tác phòng, chống, khống chế dịch bệnh

3. Cùng với việc chỉ đạo các biện pháp để phòng, chống, khống chế bệnh dịch tả lợn châu Phi, cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp cần chỉ đạo việc chuẩn bị tốt các điều kiện để khôi phục chăn nuôi lợn ngay sau khi dịch bệnh được khống chế và đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc khác, gia cầm, thuỷ sản để bảo đảm nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tổ chức rút kinh nghiệm đợt phòng, chống vừa qua để chủ động phát hiện sớm, thông tin kịp thời và có biện pháp sẵn sàng phòng, chống các loại dịch bệnh khác có thể xảy ra đối với vật nuôi, cây trồng.

4. Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố bảo đảm đủ kinh phí và các nguồn lực tổ chức triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống, khống chế bệnh dịch tả lợn châu Phi, các dịch bệnh động vật nói chung và nhanh chóng kiểm soát việc lây lan; kiện toàn, củng cố hệ thống thú y các cấp theo đúng quy định của Luật thú y, tăng cường năng lực thú y các cấp đủ sức thực thi nhiệm vụ.

5. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến địa phương có trách nhiệm tham gia phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về bệnh dịch tả lợn châu Phi; động viên các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị chủ động tham gia tích cực vào công tác phòng, chống, khống chế dịch bệnh; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức chỉ đạo phòng, chống, khống chế dịch ở từng cấp; vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ kinh phí, phương tiện, vật chất kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm trong việc phòng, chống dịch bệnh, giúp đỡ các gia đình bị thiệt hại nặng nề trong đợt dịch bệnh này.

6. Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, chính quyền cấp trên về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Chính phủ và Chỉ thị này■

BBT (*gt*)

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT CUỐI VỤ ĐÔNG XUÂN 2018 - 2019 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU, VỤ MÙA 2019

Ngày 20/5/2019 Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 581/TT-CLT gửi Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phía Bắc về việc tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất cuối vụ đông xuân 2018 - 2019 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ hè thu, vụ mùa 2019. Nội dung cụ thể như sau:

1. Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, tăng cường công tác điều tra phát hiện sớm sâu, bệnh hại cuối vụ như bệnh đạo ôn cổ bông, rầy nâu trên các trà lúa chưa thu hoạch, lưu ý vùng thường xuyên phát sinh dịch, chân đất trũng thấp... hướng dẫn các hộ nông dân phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

2. Bố trí tối đa nguồn nhân lực, máy móc khẩn trương thu hoạch nhanh, gọn diện tích lúa xuân đã chín với phương châm "Xanh nhà hơn già đồng" để tránh thiệt hại do những đợt mưa kèm gió xoáy. Trên các diện tích đã thu hoạch, triển khai cày lồng vùi rơm rạ sớm, kết hợp xử lý chế phẩm sinh học (Trichoderma, AT-YTB ...) để phân hủy nhanh rơm rạ, hạn chế ngộ độc hữu cơ với lúa vụ sau và là cầu nối sâu bệnh cho vụ sau.

3. Căn cứ vào khuyến cáo về thời vụ, cơ cấu giống của Cục Trồng trọt; các địa phương xây dựng phương án sản xuất vụ hè thu và vụ mùa phù hợp với điều kiện cụ thể địa phương mình, đảm bảo cho trà lúa hè thu chạy lụt sớm ở các tỉnh Bắc Trung Bộ thu hoạch trước ngày 5/9 và trà lúa mùa sớm ở Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc thu hoạch trước 20/9 để tạo quỹ đất làm cây vụ đông sớm. Có giải pháp kiểm soát sớm rầy lưng trắng trên diện tích mạ lúa mới cấy, sạ, chủ động ngăn ngừa nguy cơ bùng phát bệnh lùn sọc đen phương Nam trên lúa vụ hè thu và vụ mùa. Hạn chế việc gieo thẳng ở những vùng thấp trũng, không chủ động tưới tiêu, thường xuyên bị ngập úng.

4. Chủ động nguồn cung ứng đảm bảo đủ số lượng và chất lượng giống lúa rau, màu cho sản xuất; lượng giống dự phòng khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

5. Đối với cây rau, màu cần rà soát lại diện tích gieo trồng của từng chủng loại. Tuyên truyền tập huấn cho nông dân về sản xuất an toàn, hỗ trợ liên kết sản xuất, sản xuất theo hợp đồng tiêu thụ sản phẩm; hạn chế sản xuất tập trung 1 loại với diện tích lớn gây dư thừa.

6. Các địa phương xây dựng phương án tưới tiêu hợp lý, dự trữ nguồn nước; phương án phòng chống thiên tai, dịch bệnh nhằm chủ động đối phó với diễn biến bất thường của thời tiết và dịch hại xảy ra.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo cung cấp ổn định và đảm bảo chất lượng các vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất.

8. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, canh tác, tăng cường áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất như máy làm đất, sử dụng mạ khay, máy cấy... nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất■

BBT (*gt*)

"ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI"

Đó là nội dung Hội nghị trực tuyến do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức vào ngày 13/05/2019, tại Hà Nội. Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Xuân Cường chủ trì Hội nghị.

Trên thế giới, bệnh dịch tả lợn Châu Phi (ASF) (DTLCP) lần đầu tiên xuất hiện tại Kenya vào năm 1921, từ đó đến nay bệnh đã xuất hiện tại nhiều nước thuộc châu Phi, châu Âu, châu Á và châu Mỹ. Trong giai đoạn từ năm 1921 - 1995, có hàng chục quốc gia có bệnh DTLCP và theo thông tin của Tổ chức Thú y thế giới (OIE), từ năm 1996 - 2019, bệnh đã xảy ra tại hơn 60 quốc gia. Đến nay, chưa có quốc gia nào được OIE công nhận an toàn đối với bệnh DTLCP. Các nước đã phải tiêu hủy hàng chục triệu con lợn và phải chi hàng chục tỷ đô la Mỹ cho công tác phòng, chống dịch bệnh.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Tại Việt Nam, DTLCP lần đầu tiên được phát hiện tại các tỉnh Hưng Yên và Thái Bình vào ngày 19/02/2019. Tính đến ngày 12/5/2019, bệnh DTLCP đang xảy ra tại 2.296 xã, 204 huyện của 29 tỉnh, thành phố với tổng số lợn bệnh và tiêu hủy là trên 1,2 triệu con (chiếm khoảng trên 4% tổng đàn lợn của cả nước). Thời gian qua đã có 29 xã thuộc 12 tỉnh, thành phố có dịch bệnh đã qua 30 ngày, sau đó lại phát sinh lợn bệnh ở các hộ chăn nuôi khác trong cùng xã. Tỉnh Thừa Thiên Huế và 55 xã thuộc 36 huyện của 16 tỉnh, thành phố khác đã qua 30 ngày không phát sinh thêm lợn mắc bệnh.

Tại Hội nghị, 5 tỉnh/thành phố Hà Nội, Thanh Hóa, Thái Bình, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh đã nêu kiến nghị tập trung vào các nội dung: Tiếp tục duy trì chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống dịch trên cả nước và trong từng tỉnh; Đề nghị trung ương cấp kinh phí hỗ trợ kịp thời để chi trả cho người chăn nuôi và lực lượng phòng, chống dịch, đồng thời, nâng mức bồi dưỡng cho lực lượng tham gia công tác phòng chống dịch; Cần có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp chăn nuôi khi bị thiệt hại do DTLCP; Hỗ trợ hóa chất tiêu độc, khử trùng cho các trang trại, gia trại trong thời gian tới; Thời gian tới, khả năng sẽ xảy ra thiếu hụt sản phẩm thịt lợn, vì vậy cần chuyển sang chăn nuôi gia cầm, gia súc ăn cỏ để bổ sung.

Công ty Masan và công ty Greenfeed cho ý kiến: Quy định giết mổ và phân phối tại vùng không khả thi với chăn nuôi quy mô lớn. Trong khi sử dụng thịt lợn đã trở thành thói quen của người Việt Nam, điều này dễ dẫn tới nguy cơ, người tiêu dùng sử dụng thịt lợn không kiểm soát. Vì vậy các doanh nghiệp đều mong muốn sản phẩm thịt lợn tiếp tục được lưu thông chỉ cần đảm bảo điều kiện an toàn từ nguyên liệu đầu vào, đảm bảo trong quá trình lưu thông và đảm bảo sản phẩm an toàn đến tay người tiêu dùng. Tập trung kiểm soát các cơ sở giết mổ và công khai trực tuyến các cơ sở đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Mong muốn Chính phủ có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chăn nuôi đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và có truy xuất nguồn gốc.

Toàn cảnh Hội nghị

Tiếp thu ý kiến, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường cho rằng: Trong lịch sử ngành chăn nuôi chưa từng xảy ra dịch bệnh nào nguy hiểm, phức tạp, khó đối phó và tốn kém trong phòng chống như Bệnh DTLCP; Trong thời gian tới sẽ chưa có vắc xin, thuốc chữa. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác phòng chống nhưng dịch vẫn xảy ra trên diện rộng. Vì vậy, nếu không làm tốt, dịch bệnh sẽ lây lan nhanh theo ba hướng: các địa phương đã xuất hiện dịch rồi thì sẽ xuất hiện lại, những nơi chưa có dịch sẽ xảy ra dịch, lây lan sang các hộ, các cơ sở chăn nuôi lớn. Bộ trưởng đề nghị:

Bệnh DTLCP lây lan sẽ gây thiệt hại về nhiều mặt, không chỉ ảnh hưởng tới một ngành hàng mà còn ảnh hưởng tới chỉ số CPI, liên quan tới vấn đề môi trường, sinh kế của bà con nông dân, vì vậy cần có sự vào cuộc quyết liệt hơn nữa của cả hệ thống chính trị.Toàn bộ kiến nghị của các đại biểu xuất phát từ thực tiễn phòng, chống dịch nên thời gian tới cần có những ý kiến chỉ đạo phù hợp với tình hình mới.

Đối với cơ chế tài chính: Cần có nguồn lực tương ứng, cơ chế tài chính phù hợp; Có chính sách thu mua thịt an toàn, dự trữ thực phẩm giảm nguy cơ rủi ro, giảm bất ổn thị trường.

Đối với công tác chỉ đạo: Với quan điểm "loại bệnh đặc biệt phải ứng phó đặc biệt" nên các cấp, các ngành, các địa phương cần phải có sự vào cuộc quyết liệt hơn nữa. Từng địa phương phải có giải pháp ứng phó dịch theo các cấp độ, có phương án giải quyết lợn bệnh với sự vào cuộc của các lực lượng vũ trang. Bộ Khoa học Công nghệ cần đẩy nhanh hơn nữa công tác nghiên cứu vắc xin phòng, trị bệnh.

Kết luận chỉ đạo Hội nghị, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và người dân tập trung nhiều hơn, quyết liệt hơn trong công tác phòng chống dịch, dập dịch đạt kết quả cao. Xác định đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là hệ thống chính trị địa phương. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Ban Chỉ đạo Quốc gia.

Đề nghị Ban cán sự Đảng của Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Văn phòng Chính phủ hoàn thiện dự thảo gửi Ban Bí thư về việc đẩy nhanh các biện pháp phòng, chống DTLCP;

Đề nghị các bộ, ngành, Ban chỉ đạo Quốc gia cần thường xuyên tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác phòng, chống DTLCP;

Giao Bộ Nông nghiệp và PTNT tham mưu với Chính phủ ban hành quyết định mới phù hợp với tình hình thực tế, vừa đáp ứng công tác phòng chống dịch vừa đảm bảo sự phát triển của nền kinh tế; Ban hành văn bản chỉ đạo giết mổ lợn trong vùng dịch đảm bảo sản phẩm đầu vào sạch, vận chuyển sạch, sản phẩm đầu ra sạch; Hướng dẫn các địa phương thành lập Trạm Kiểm dịch quốc gia; Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tái cấu trúc ngành chăn nuôi nói chung và ngành chăn nuôi lợn nói riêng.

Giao Bộ Công thương chủ trì, phối hợp trong công tác thu mua, giết mổ lợn, cấp trữ đông để đảm bảo nguồn thực phẩm trong thời gian tới, giảm thiểu thiệt hại cho người chăn nuôi.

Đối với các địa phương: Giao Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố tổ chức các hoạt động phòng chống dịch, huy động sự vào cuộc của các lực lượng vũ trang nhân dân; Tiếp tục duy trì và củng cố lực lượng thú y các cấp; Chỉ đạo hỗ trợ cụ thể đối với người dân; Áp dụng nghiêm các biện pháp vệ sinh an toàn sinh học; Chủ động bố trí kinh phí cho công tác phòng chống dịch; Chủ động hướng dẫn người dân và doanh nghiệp phát triển sản phẩm chăn nuôi phù hợp.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống DTLCP.

Đối với công tác thông tin tuyên truyền: Cần bám sát, đồng hành cùng hệ thống chính trị và người dân với phương châm chống dịch kết hợp với bảo vệ sản xuất, bảo vệ người tiêu dùng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội■

VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Trong hai ngày 6 - 7 tháng 5 năm 2019, tại thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức hội nghị: "Sơ kết sản xuất hạt giống lúa lai F1 vụ đông xuân (ĐX) 2018 - 2019". Đây là hoạt động thuộc Dự án khuyến nông trung ương "Phát triển sản xuất hạt giống lúa lai F1". TS. Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Nam, Trung tâm Khuyến nông Quảng Nam, UBND huyện Đại Lộc, phòng Nông nghiệp huyện; đại diện HTX và UBND thị trấn Ái Nghĩa; đại diện các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất hạt giống lúa lai F1 trong nước và gần 60 nông dân đến từ các xã triển khai dự án trên địa bàn các huyện Đại Lộc và Quế Sơn.

Hội nghị đã được nghe báo cáo kết quả thực hiện dự án vụ ĐX 2018 - 2019 do TS. Trần Văn Khởi - Chủ nhiệm dự án trình bày; báo cáo của một số đơn vị tham gia dự án và ý kiến tham luận của các đại biểu tham dự.

Dự án "Phát triển sản xuất hạt giống lúa lai F1" được triển khai trong giai đoạn 2017 - 2019 tại 7 tỉnh/thành gồm: Lào Cai, Hải Phòng, Nam Định, Đắk Lắk, Quảng Nam, Cần Thơ và Hậu Giang với mục tiêu xây dựng mô hình liên kết doanh nghiệp và nông dân cùng tham gia sản xuất và cung ứng hạt giống lúa lai F1 để chủ động và kiểm soát được chất lượng hạt giống, giảm giá giống, cạnh tranh với hạt giống nhập khẩu, tăng thu nhập cho nông dân. Đồng thời còn góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có kiến thức và tay nghề tốt trong lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất hạt giống lúa lai F1.

Trong 3 năm, dự án tổ chức triển khai sản xuất hạt giống lúa F1 với tổng diện tích 1.250 ha gồm cả lúa lai 2 dòng và lúa lai 3 dòng. Riêng vụ ĐX 2018 - 2019 có 08 đơn vị tham gia thực hiện dự án với tổng diện tích 400 ha; trong đó có 295 ha sản xuất hạt giống lúa lai 3 dòng và 105 ha sản xuất hạt giống lúa lai 2 dòng, với 1.780 hộ tham gia.

HỘI NGHỊ SƠ KẾT SẢN XUẤT HẠT GIỐNG LÚA LAI F1 VỤ ĐÔNG XUÂN 2018 - 2019

Tỉnh Quảng Nam là địa phương tập trung nhiều đơn vị tham gia sản xuất hạt giống lúa lai (5/8 đơn vị tham gia dự án) với diện tích thực hiện dự án lớn nhất lên đến 215 ha trong tổng số 400 ha dự án đã triển khai thực hiện.

Đến thời điểm tổ chức hội nghị, các tổ hợp lúa lai 3 dòng ở các tỉnh phía Nam đã thu hoạch xong. Tổ hợp HR182 tại Cần Thơ và Hậu Giang đạt năng suất trung bình 27,9 tạ/ha. Tổ hợp Nhị ưu 838 tại Quảng Nam đạt năng suất 26 - 30 tạ/ha, tại Đắk Lắk đạt 41 tạ/ha, tổ hợp GS55 tại Quảng Nam có năng suất rất cao, đạt 48 tạ/ha. Các tổ hợp lúa lai 2 dòng sản xuất tại Quảng Nam hiện đang giai đoạn chín, chuẩn bị thu hoạch, năng suất dự kiến đạt từ 32 - 40 tạ/ha. Ở các tỉnh phía Bắc, tổ hợp Nhị ưu 838 hiện đang giai đoạn trỗ, dòng bố và dòng mẹ tương đối trùng khớp, độ đồng đều cao. Tổ hợp LC25 sản xuất tại Lào Cai đang giai đoạn chín, do thời tiết thay đổi nên tỷ lệ kết hạt không cao, dự kiến đạt 22 - 24 tạ/ha.

Theo đánh giá chung tại hội nghị, vụ ĐX 2018 - 2019 điều kiện tương đối thuận lợi cho sản xuất hạt giống lúa lai F1 nên lúa sinh trưởng phát triển khá, mật độ đảm bảo, các dòng lúa bố mẹ trỗ bông cơ bản trùng khớp, về quy mô đạt 100% kế hoạch đề ra và đạt 83,3% kế hoạch cả năm. Nhìn chung, đây là một mùa vụ sản xuất lúa lai 2 dòng và 3 dòng thắng lợi, có những nơi kết quả vượt ngoài mong đợi, năng suất lúa lai gần xấp xỉ lúa thuần.

Toàn cảnh Hội nghị

Phát biểu tại hội nghị, ông Võ Văn Nghi - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quảng Nam đánh giá cao mối liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất hạt giống lúa lai F1 và cho rằng đây là liên kết hình mẫu lí tưởng cho các liên kết sản xuất khác.

Ông Hồ Ngọc Mẫn - Phó Chủ tịch UBND huyện Đại Lộc thể hiện mong muốn đăng ký thực hiện dự án sản xuất lúa lai F1 tại huyện Đại Lộc những năm tiếp theo. Đồng thời ông cũng đề nghị các doanh nghiệp sớm thu mua toàn bộ hạt giống lúa lai F1 cho người nông dân. Ông cho rằng sản xuất hạt lai rất bấp bênh, lúc được mùa nhưng cũng có những lúc mất mùa, vì vậy đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách, bảo hiểm trong sản xuất hạt lai để tất cả những người tham gia đều được hưởng lợi.

Các đại biểu tham quan mô hình sản xuất lúa lai F1 tại thị trấn Ái Nghĩa

Kết luận Hội nghị, TS. Trần Văn Khởi đã chỉ đạo như sau:

- Bà con cần tiếp tục theo dõi đồng ruộng và nhanh chóng kết thúc việc kiểm định đồng ruộng để phục vụ kiểm nghiệm trong phòng.
- Đối với diện tích đã chín cần tranh thủ thu hoạch sớm, tránh rủi ro về thời tiết.
- Tiếp tục triển khai công tác nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa các công ty với Hợp tác xã và hộ nông dân sau khi thu hoạch
- Các đơn vị có kế hoạch sản xuất vụ mùa nhanh chóng xây dựng báo cáo chi tiết kết quả vụ ĐX 2018 - 2019 và lập kế hoạch triển khai vụ mùa.
- Đối với các đơn vị không triển khai vụ mùa, chỉ sản xuất vụ đồng xuân đề nghị khẩn trương tổng hợp hồ sơ và làm báo cáo tổng thể 3 năm triển khai dự án từ 2017 - 2019, báo cáo nêu cụ thể quá trình triển khai dự án tại các vùng, có số liệu minh chứng và hình ảnh cụ thể; phân tích chi tiết kết quả thực hiện dự án theo mục tiêu đề ra, đánh giá hiệu quả kinh tế dự án mang lại■

HOÀNG LINH
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT LÀM VIỆC VỚI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, TỈNH ĐỒNG NAI VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Thứ trưởng Bộ NN và PTNT Phùng Đức Tiến phát biểu tại buổi làm việc với UBND TP. HCM

Ngày 14/5, Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và PTNT do Thứ trưởng Phùng Đức Tiến dẫn đầu đã có buổi làm việc về công tác phòng, chống dịch tả lợn châu Phi (ASF) với các sở, ban, ngành và các huyện chăn nuôi lợn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

Làm việc với UBND thành phố Hồ Chí Minh, Thứ trưởng Phùng Đức Tiến đánh giá cao việc thành phố làm tốt công tác kiểm soát và phòng chống dịch bệnh trong thời gian qua. Thứ trưởng yêu cầu thành phố đi tiên phong trong công tác phòng chống dịch tả lợn châu Phi, giữ ổn định được đàn lợn trên 274.000 con và luôn kiểm soát tốt dịch bệnh trong mọi điều kiện.

Theo Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn Thành phố hiện có 3.917 hộ chăn nuôi lợn với tổng đàn 274.154 con, cung cấp 18 - 20% lượng thịt lợn cho thị trường, còn lại chủ yếu là nhập từ các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, hiện có 270 hộ nuôi lợn bằng nguồn thức ăn dư thừa tại các nhà hàng, quán ăn, có nguy cơ cao lây lan dịch tả lợn châu Phi. Có 11 cơ sở, mỗi ngày giết mổ khoảng 7.000 con lợn; Tính đến thời điểm này, trên địa bàn thành phố chưa phát hiện đàn lợn nào mắc bệnh dịch tả lợn châu Phi. Thành phố đã và đang tập trung cao độ để ngăn chặn dịch bệnh lây lan vào địa bàn. Nhiều giải pháp được ban hành để theo dõi và kiểm soát tốt dịch bệnh trên đàn lợn. Thành phố đã chỉ đạo Sở Công thương làm việc với các doanh nghiệp về khả năng cung ứng, dự trữ nguồn thịt lợn, đảm bảo cân đối cung - cầu thị trường.

Tại tỉnh Đồng Nai, địa phương có số lượng lợn lớn nhất cả nước với khoảng 2,5 triệu con, trong đó chăn nuôi trang trại chiếm khoảng 75%, chăn nuôi nhỏ lẻ chiếm khoảng 25%. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh vừa qua xảy ra 5 ổ dịch tả lợn châu Phi trên địa bàn các huyện Trảng Bom, Nhơn Trạch và Vĩnh Cửu. Ban chỉ đạo phòng chống dịch tả lợn châu Phi của tỉnh đã khẩn trương tiến hành các biện pháp kiểm tra, xử lý và tiêu hủy, đồng thời tiến hành tiêu độc khử trùng cho các hộ chăn nuôi, lập thêm chốt kiểm soát các cơ sở giết mổ, vận chuyển. Ông Trần Văn Quang, Chi cục trưởng Chi cục Thú y Đồng Nai cho biết, phương pháp mà tỉnh hỗ trợ cho hộ có lợn bệnh là hỗ trợ theo đầu con thay vì theo trọng lượng để tiêu hủy nhanh, hạn chế tối đa lây lan dịch bệnh.

Phát biểu tại buổi làm việc, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Phùng Đức Tiến đánh giá cao sự cố gắng và quyết tâm của lãnh đạo tỉnh Đồng Nai trong công tác chỉ đạo phòng chống dịch ở giai đoạn hiện tại. Thứ trưởng mong muốn tỉnh Đồng Nai kiểm soát hiệu quả nhất, chắc chắn nhất để giữ được "thủ phủ" nuôi lợn của cả nước.

Tham gia Đoàn công tác, TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cho rằng, để phòng chống dịch tả lợn châu Phi thì giải pháp duy nhất là thực hiện an toàn sinh học. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã in ấn và cấp phát cho bà con chăn nuôi hơn 20.000 tờ rơi về bệnh dịch tả lợn châu Phi và các biện pháp phòng chống. Hướng dẫn người dân nếu sử dụng thức ăn thừa cần đảm bảo an toàn dịch như phải nấu chín ít nhất 30 phút, vệ sinh, sát trùng dụng cụ và phương tiện vận chuyển. Tăng cường tuyên truyền về sử dụng thịt lợn an toàn qua chuyên mục "Thịt lợn an toàn" trên báo Nông nghiệp Việt Nam và báo Nông thôn ngày nay.

TS. Hạ Thúy Hạnh nhấn mạnh: Cần nêu cao vai trò của Hiệp hội chăn nuôi và lực lượng khuyến nông viên xã trong công tác phòng chống dịch. Tuyên truyền sâu rộng về chính sách hỗ trợ tới từng người chăn nuôi để ngăn ngừa sự lây lan, góp phần phát hiện nhanh, tiêu diệt gọn bệnh bệnh dịch tả lợn châu Phi. Các nhà quản lý cần đối thoại trực tiếp với các trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi trên địa bàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm phòng chống dịch và các chính sách liên quan. Tăng cường tập huấn ToT về các giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học, phòng chống bệnh dịch tả lợn châu Phi cho các huyện chăn nuôi trọng điểm tại thành phố Hồ Chí Minh như Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn cũng như tại các huyện có dịch và chưa có dịch tại Đồng Nai■

NGUYỄN VĂN BẮC
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN ĐỀ: "LIÊN KẾT SẢN XUẤT LÚA"

Toàn cảnh Hội nghị

Ngày 10/5/2019, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Cục Trồng trọt và Sở Nông nghiệp & PTNT thành phố Cần Thơ tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp "Liên kết sản xuất lúa". Đây là diễn đàn thứ hai trong năm 2019, thuộc chương trình Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam - VnSAT do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia triển khai. Diễn đàn thu hút sự tham gia của 230 đại biểu đến từ 08 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là: Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng và Kiên Giang.

Theo báo cáo của Cục kinh tế Hợp tác đến hết tháng 3/2019, vùng ĐBSCL có khoảng 1.800 Hợp tác xã (HTX), chiếm khoảng 11,4% tổng số HTX của cả nước; trong đó có 1.143 HTX trồng trọt, đa số là HTX trồng lúa. ĐBSCL là một trong 3 vùng có số lượng các HTX nông nghiệp thành lập mới cao nhất cả nước, tăng 552 HTX từ năm 2016 đến 2018. Chính vì vậy, liên kết sản xuất lúa ở ĐBSCL đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: Nhiều mô hình HTX hoạt động hiệu quả; HTX tham gia vào nhiều hình thức liên kết khác nhau với doanh nghiệp; HTX giúp đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị hiệu quả, bền vững; Liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa HTX với doanh nghiệp giúp đem lại nhiều lợi ích cho các bên tham gia.

Bên cạnh những kết quả đạt được, liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa HTX với doanh nghiệp ở vùng ĐBSCL thời gian qua còn nhiều tồn tại, hạn chế, đó là: Quy mô liên kết nhỏ, tỷ lệ bao tiêu sản phẩm qua hợp đồng thấp; Liên kết còn lỏng lẻo, tỷ lệ thành công của những hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản còn thấp; Mức độ tham gia chuỗi liên kết của HTX nông nghiệp còn rất hạn chế, người nông dân chịu nhiều thua thiệt và rủi ro.

Theo ông Trần Đình Dũng, Cục Kinh tế Hợp tác, để hạn chế rủi ro, thiệt hại khi nông dân tham gia liên kết sản xuất thì người nông dân phải chủ động thỏa thuận các điều khoản chặt chẽ có lợi cho mình trong hợp đồng liên kết với doanh nghiệp.

Ông Lê Thanh Tùng - Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt đánh giá việc tổ chức liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt hơn so với sản xuất truyền thống. Tuy nhiên, việc liên kết này phụ thuộc nhiều vào biến động thị trường lúa gạo thế giới.

Ông Phạm Thái Bình, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An nêu vấn đề quan ngại nhất doanh nghiệp gặp phải trong chuỗi liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho nông dân là hạn chế về vốn, thủ tục vay vốn còn nhiều khó khăn.

Thảo luận tại diễn đàn, ông Dương Văn Chín, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Định Thành thuộc Tập đoàn Lộc Trời cho rằng: Việc hợp tác giữa nông dân và doanh nghiệp muốn bền vững phải dựa trên cơ sở mối liên kết hài hòa lợi ích của cả hai bên. Nông dân tham gia liên kết với Tập đoàn Lộc Trời sẽ được công ty cấp trước giống lúa có xác nhận, phân và thuốc không tính lãi suất; bà con được chuyển giao kỹ thuật. Nếu không thương thảo được giá vụ này thì nông dân có thể bán nông sản cho doanh nghiệp khác.

Tại diễn đàn, Ban tổ chức đã giải đáp thỏa đáng 22 câu hỏi của bà con nông dân với nội dung tập trung chủ yếu các vấn đề: liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân, chính sách hình thành, phát triển hợp tác xã, cách thức liên kết, khó khăn trong liên kết, cách giải quyết mâu thuẫn trong liên kết, lợi ích của nông dân, doanh nghiệp trong liên kết, vai trò quản lý của cơ quan nhà nước trong mối liên kết sản xuất lúa….

Để góp phần thúc đẩy liên kết sản xuất lúa, TS. Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tổng kết một số giải pháp sau:

Ngành nông nghiệp địa phương cần xây dựng quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa lớn là cơ sở cho việc hình thành HTX, đầu tư khoa học kỹ thuật, đầu tư hạ tầng cơ sở, dịch vụ sản xuất; hỗ trợ hình thành và thúc đẩy hợp tác xã để hoạt động có hiệu quả cao.

Các địa phương cần hướng dẫn việc hình thành Hợp tác xã kiểu mới, trong đó xác định quy mô HTX hợp lý, nâng cao năng lực quản trị của HTX, xây dựng quy chế minh bạch, rõ ràng, lưu ý sản xuất theo hướng chuyên sâu kết hợp với đa dạng hóa sản phẩm cây trồng. Tăng cường truyền thông những mô hình liên kết hiệu quả cao để nông dân học tập■

ĐỖ TUẤN - NGUYỄN NHUNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO CHUỖI LIÊN KẾT Ở PHÚ THỌ

Xác định xây dựng chuỗi nông sản an toàn để kiểm soát chất lượng và liên kết phân phối sản phẩm là hướng đi tất yếu, tỉnh Phú Thọ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất thực phẩm an toàn, trong đó hỗ trợ xây dựng các chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản an toàn. Kết quả, đến nay tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung như vùng bưởi đặc sản Đoan Hùng với diện tích hơn 1.000 ha; bưởi Diễn 1.100 ha, chè 16.500 ha, rau các loại 12.600 ha, vùng nuôi trồng thủy sản hơn 10.100 ha... Nhiều sản phẩm đã được cấp chứng nhận đạt các tiêu chuẩn chất lượng, đã mang lại hiệu quả cao cho người sản xuất. Một số mô hình điển hình, đó là:

1. Mô hình sản xuất rau an toàn

Hợp tác xã (HTX) Dịch vụ, sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn Tứ Xã (huyện Lâm Thao) được thành lập từ tháng 12/2015 với 57 thành viên, sản xuất rau an toàn trên diện tích 3,5 ha. Từ khi ra mắt thị trường đến nay các sản phẩm rau an toàn của HTX đã tạo được niềm tin của người tiêu dùng và các đơn vị tiêu thụ. Hiện nay, HTX đã liên kết với 70 hộ tham gia theo phương thức chuỗi liên kết, tất cả các sản phẩm rau đều được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, đảm bảo các khâu từ sản xuất, sơ chế đến đóng gói bao bì, dán tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm. HTX có thể cung ứng khoảng 9 - 10 tấn rau/tháng trong vụ hè và 6 - 7 tấn/tháng khi vào vụ đông với nhiều sản phẩm phong phú. Hợp tác xã đã ký kết với 4 đơn vị để tiêu thụ sản phẩm, chủ yếu là các hệ thống siêu thị, cửa hàng rau an toàn, trong đó chủ yếu là hệ thống siêu thị Vinmart tại Phú Thọ, Hà Nội, Hoà Bình, Vĩnh Phúc. Nhờ có sự liên kết sản xuất, thành viên HTX bán được rau với giá cao gấp 1,5 - 3 lần so với giá ở chợ địa phương, từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện sinh kế cũng như góp phần củng cố quá trình vận hành của HTX.

Chìa khoá thành công của HTX Tứ Xã là sự thống nhất trong sản xuất, có kế hoạch thời vụ, chủng loại sản phẩm rau, kiểm tra giám sát quy trình sản xuất một cách chặt chẽ, cam kết chất lượng sản phẩm khi xuất bán giúp người tiêu dùng dễ dàng lựa chọn sản phẩm an toàn.

2. Mô hình sản xuất chè an toàn

Xây dựng và phát triển trên vùng nguyên liệu chè lớn, có hơn 10 năm hoạt động sản xuất và chế biến chè tại khu Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, Công ty TNHH Chè xuất khẩu Bảo Long đã đầu tư thiết bị công nghệ với dây chuyền hiện đại, công suất 17 - 20 tấn/ngày, đạt tiêu chuẩn quy định vệ sinh an toàn thực phẩm và chứng nhận sản xuất theo VietGAP.

Với 50 ha chè giống mới phục vụ cho chế biến nội tiêu, 150 ha liên kết với trang trại và các hộ dân, 15 ha hoa nhài... đã tạo vùng nguyên liệu ổn định và chủ động cho chế biến của Công ty. Vùng sản xuất chè nguyên liệu đã tuân thủ quy trình chăm sóc thâm canh từ bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được sử dụng trên chè, đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch; đặc biệt các hộ tham gia luôn được cán bộ kỹ thuật của Công ty hướng dẫn cách ghi chép sổ sách nguyên liệu đầu vào, sản lượng thu hái, cách thức kiểm tra giám sát nội bộ...

Một số sản phẩm chè xanh chất lượng cao của Công ty như: Long kiếm trà, Trà xanh Phú Hộ, Trà xanh mộc, Vinh quy bái tổ, Mã đáo thành công... được đựng trong hộp thiết kế mẫu mã đẹp mắt, kiểu dáng sang trọng, dán logo, tem nhãn nhận diện sản phẩm sản xuất theo chuỗi đang dần từng bước chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước.

3. Mô hình sản xuất bưởi đặc sản Đoan Hùng

Diện tích trồng bưởi đặc sản Đoan Hùng theo chuỗi liên kết tập trung của tỉnh hiện đạt hơn 1.300 ha, sản lượng trên 10.300 tấn. Huyện Đoan Hùng đã phối hợp với các ngành chức năng xây dựng kênh thông tin và dự báo thị trường bưởi (số lượng, địa chỉ sản xuất, cung ứng, giá bán,..); xác định nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm đối với từng chủng loại bưởi. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin, giới thiệu sản phẩm bưởi tại các hội chợ, hội thi về sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và phát triển kênh phân phối chính thức và uy tín như siêu thị; hình thành một số cửa hàng cung ứng sản phẩm theo chuỗi.

Mô hình trồng bưởi Đoan Hùng

Bưởi Đoan Hùng đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng tên gọi xuất xứ hàng hoá chỉ dẫn địa lý, được đăng ký tem nhãn, logo độc quyền. Từ năm 2017, bưởi đặc sản Đoan Hùng đã được dán tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ ở các vườn bưởi sản xuất theo quy trình VietGAP ở các xã Chí Đám, Bằng Luân... Cùng với đó, Hiệp hội Sản xuất và Kinh doanh bưởi Đoan Hùng đã tham gia chuỗi sản xuất - tiêu thụ, xây dựng điểm trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại thành phố Việt Trì, huyện Đoan Hùng và một số điểm bán hàng nông sản sạch ở Hà Nội. Dự kiến thời gian tới, sản phẩm sẽ có mặt ở hệ thống siêu thị và quầy nông sản an toàn ở nhiều tỉnh/thành trong nước.

4. Mô hình chăn nuôi theo chuỗi giá trị

Tiêu biểu là Nhà máy Sản xuất trứng gà an toàn công nghệ cao, trị giá 800 tỷ đồng tại xã Tề Lễ, huyện Tam Nông. Đây là nhà máy đầu tiên tại Việt Nam có khả năng kiểm soát an toàn sinh học trong toàn bộ quy trình sản xuất trứng. Thời gian cung ứng sản phẩm từ khi gà đẻ tới hệ thống cửa hàng, siêu thị chỉ trong vòng 24 giờ. Nhà máy có công suất khoảng 500 nghìn quả trứng/ngày, tương đương 175 triệu quả trứng/năm. Những quả trứng giống được lựa chọn theo tiêu chuẩn của Hy - line Mỹ dưới sự hướng dẫn và giám sát của các chuyên gia Tập đoàn ISE Food - Nhật Bản. Môi trường được bảo đảm cách ly và an toàn sinh học tuyệt đối■

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG PHÚ THỌ

HẢI PHÒNG: CHUYỂN ĐỔI ĐẤT LÚA KÉM HIỆU QUẢ SANG TRỒNG HOA CÂY CẢNH CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO TẠI HUYỆN AN DƯƠNG

An Dương là huyện ven nội thành Hải Phòng, có diện tích đất nông nghiệp 5.086 ha, với nhiều tiềm năng về đất đai, lao động, là đầu mối giao thông quan trọng của thành phố và các tỉnh phía Bắc. Phát huy thế mạnh đó, thời gian qua, sản xuất nông nghiệp ở An Dương đã có bước chuyển biến tích cực. Các chương trình tái cơ cấu ngành, chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản cho giá trị kinh tế cao, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn.

Thực hiện chủ trương đó, diện tích trồng hoa, cây cảnh của huyện An Dương hằng năm tăng từ 15 - 20%, dự kiến đến năm 2020 đạt 450 - 500 ha (chiếm 16 - 18% diện tích cấy lúa). Hiện nay, huyện An Dương đã chuyển đổi và trồng được hơn 350 ha hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng như đào cảnh, quất cảnh tại các xã Đồng Thái, Lê Lợi; đào thế, hoa hải đường tại xã Đặng Cương; đào cảnh, hoa hồng cổ Hải Phòng tại xã Hồng Thái; hoa lan tại thị trấn An Dương; hoa ly, hoa loa kèn tại các xã Đồng Thái, Tân Tiến, An Hưng... Ngoài phát triển một số chủng loại hoa cây cảnh truyền thống, địa phương còn phát triển hơn 60 ha các loài hoa cao cấp cắt cành gồm hoa ly, loa kèn, lay ơn, cúc, hướng dương... Nhờ đó, những hộ trồng hoa cây cảnh thu nhập bình quân từ 100 triệu đồng trở lên/năm, đặc biệt những hộ trồng và kinh doanh quy mô lớn đạt doanh thu hàng tỷ đồng/năm. Dịp Tết Nguyên Đán 2019 vừa qua, toàn huyện đạt doanh thu trên 180 tỷ đồng.

Mô hình trồng hoa hồng cổ tại huyện An Dương

Huyện An Dương hiện đã xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý một số vùng hoa, cây cảnh cho các làng nghề để có hướng duy trì, phát triển diện tích phù hợp. Toàn huyện có 5 làng nghề hoa cây cảnh: Làng Minh Kha, làng Kiều Trung - xã Hồng Thái, làng Tri Yếu, làng Đồng Dụ - xã Đặng Cương, làng Lương Quy - xã Lê Lợi. Trong giai đoạn (2018 - 2020), huyện xây dựng kế hoạch chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cho 3 sản phẩm: Đào cảnh, hoa hồng cổ - Hồng Thái; hoa hải đường - Đặng Cương.

Hiện nay, hầu hết diện tích hoa, cây cảnh của huyện đều sinh trưởng, phát triển tốt, phong phú về chủng loại, có những cây ngắn ngày, thời điểm này nông dân vừa tích cực chăm bón, thu hoạch, vừa gieo trồng gối vụ để nâng hiệu quả sử dụng đất. Các xã Đồng Thái, Hồng Thái, Đặng Cương... là những địa phương được coi là "Trung tâm sản xuất hoa cây cảnh" của huyện An Dương. Các nhà vườn nơi đây ngày càng nâng cao trình độ cũng như kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh nên đạt hiệu quả cao. Các sản phẩm hoa chậu, nhất là hoa hồng cổ Hải Phòng đang được thị trường ưa chuộng cung ứng phục vụ thị trường quanh năm.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng hoa, cây cảnh là hướng đi đúng của huyện An Dương, hiệu quả là nâng cao thu nhập bình quân đầu người đạt trên 42 triệu đồng/người/năm, trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp đạt 189,5 triệu/ha đã góp phần hoàn thành tiêu chí thu nhập và tiêu chí xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, cải thiện môi trường sinh thái, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Tuy nhiên, để thực hiện chuyển đổi cơ cấu được ổn định, phát triển lâu dài, người dân cần tập trung phát triển diện tích trồng hoa theo chiều sâu, thâm canh và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, đặc biệt là công nghệ nhà lưới, nhà lạnh để giảm thiểu rủi ro do thời tiết, dịch bệnh.

Nhà nước cần có chính sách ưu đãi về đất đai và vốn vay để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này theo hướng công nghệ cao (nhà lưới, nhà lạnh, hệ thống tưới tự động,...) để sản xuất được sản phẩm đáp ứng chất lượng, cạnh tranh trên thị trường. Huyện An Dương sẽ hỗ trợ các nhà vườn giống, vốn và khoa học kỹ thuật, đồng thời quan tâm tới thị trường, kết nối cung - cầu để giúp người dân phát triển sản xuất hợp lý, hướng dẫn xây dựng uy tín, thương hiệu cho sản phẩm để hoa, cây cảnh An Dương phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả■

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
HUYỆN AN DƯƠNG, TP. HẢI PHÒNG

QUẢNG NINH: KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU ỨNG DỤNG ĐÈN LED TRONG KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Đèn LED *(Light Emitting Diode)* được biết đến như là công nghệ thân thiện với môi trường do giảm lượng khí thải CO_2, không sử dụng các chất độc hại như thủy ngân, chì, cadium nên không gây độc cho con người và môi trường. Đặc biệt sử dụng đèn Led có thể tiết kiệm 50 - 70% chi phí nhiên liệu so với các loại đèn thông thường; tuổi thọ, hiệu suất phát sáng cao hơn so với các loại đèn truyền thống khác. Với tính năng, ưu thế vượt trội nên công nghệ đèn Led hiện nay được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành như chiếu sáng công cộng, các loại bảng quảng cáo, đèn xe ô tô và xe máy… Tỉnh Quảng Ninh có số lượng tàu thuyền khai thác thủy sản lớn, đặc biệt là đội tàu khai thác sử dụng ánh sáng. Các nghề như chài chụp, pha xúc hiện nay thường sử dụng đèn cao áp truyền thống ngoài việc tiêu tốn quá nhiều năng lượng làm giảm hiệu quả kinh tế còn gây ra rất nhiều hệ lụy tiêu cực kéo theo từ sức khỏe, an toàn lao động đến môi trường. Chính vì vậy, Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh đã triển khai thử nghiệm ứng dụng công nghệ đèn Led trên tàu khai thác hải sản xa bờ và đạt được kết quả rất khả quan.

Công nghệ được thử nghiệm trên 3 tàu cá tại thị xã Quảng Yên: Tàu chụp của ông Nguyễn Văn Đăng, công suất máy 430 CV (máy phát 550CV) là tàu lớn, hiện đại. Tàu chụp của ông Đỗ Văn Thành, công suất máy 350CV (máy phát 550 CV), đã lắp đặt 250 đèn Led 200W với tỷ lệ thay thế 72%. Tàu pha xúc của ông Nguyễn Đăng Dựng công suất máy 680 CV (máy phát 90 CV), đã lắp đặt 18 đèn Led 400W với tỷ lệ thay thế 75%. Ngư trường tổ chức khai thác trình diễn là Long Châu, Bạch Long Vĩ, Cô Tô… với độ sâu từ 28 - 40m.

Thời gian thử nghiệm đối với tàu của các ông Nguyễn Văn Đăng và Nguyễn Đăng Dựng từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018. Tàu ông Đỗ Văn Thành từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2018 và từ tháng 02 đến tháng 3 năm 2019 (khai thác vụ mực chính).

Đèn Led được tổ chức lắp đặt theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, hướng dẫn ghi chép sổ sách theo dõi. Cán bộ kỹ thuật được cử đi biển cùng chủ tàu để bám sát tình hình, kịp thời phản ánh ý kiến của người dân đối với đơn vị sản xuất để hoàn thiện đèn Led về hình dáng, trọng lượng, các yêu cầu về nhiệt độ …

Tiêu chuẩn kỹ thuật đèn đưa vào thử nghiệm: Đối với đèn Led cho tàu chụp: Công suất đèn 200W; hiệu suất phát quang ≥ 120 lm/W; góc chiếu sáng ≥100^0; điện áp từ 100V - 277V; nhiệt độ màu 4000K - 6000K; cấp bảo vệ IP ≥ 66; EMC pass (có chống nhiễu). Đối với đèn Led cho tàu pha xúc: Công suất đèn 400W; hiệu suất phát quang ≥ 110 lm/W; góc chiếu sáng ≤ 60^0; điện áp 100V - 265V; nhiệt độ màu 4000K - 6000K; cấp bảo vệ IP ≥ 66; EMC pass (có chống nhiễu).

Qua theo dõi các chỉ tiêu cho thấy: Đối với tàu pha xúc, chỉ tiêu sản lượng tăng không nhiều so với khi sử dụng đèn truyền thống, tuy nhiên chỉ tiêu hiệu quả kinh tế được nâng lên từ số lượng dầu tiết kiệm hàng tháng, đạt 12 triệu đồng/tháng. Các chỉ tiêu về cường độ, màu sắc ánh sáng, không gây nhiễu sóng các thiết bị hàng hải, tính ổn định của bóng đèn cao; khả năng chống ăn mòn và chịu va đập tốt. Đèn Led cũng đã giải quyết tốt việc nhanh chóng phát sáng sau khi dùng các thiết bị phát hiện luồng cá để khai thác giúp tiết kiệm thời gian, gia tăng số mẻ lưới. Do đặc thù của phương thức khai thác này nên tàu pha xúc sử dụng khá ít đèn khai thác (từ 10 - 30 bóng) kéo theo việc trang bị máy phát ☞

công suất không lớn nên ít ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của chủ tàu và việc thay thế đèn Siu là hoàn toàn khả thi.

Đối với tàu chài chụp, qua số liệu phân tích các chỉ tiêu về sử dụng nguồn sáng và hiệu quả cho thấy: Tàu của ông Nguyễn Văn Đãng với tỷ lệ thay thế 15% (60/400 bóng) nên hiệu quả kinh tế chưa rõ nét so với trước đây. Tàu của ông Đỗ Văn Thành với tỷ lệ thay thế 72% (250/350 bóng) nên hiệu quả kinh tế đã tăng rõ rệt, mức tiêu thụ dầu tương ứng là 16.000 lít so với 29.052 lít (giảm lượng dầu tiêu thụ mỗi đêm trên 180 lít). Hiệu quả kinh tế cao hơn các tàu có công suất tương đương khác đang sử dụng bóng đèn truyền thống từ 25 - 30%; Các chỉ tiêu về cường độ, màu sắc ánh sáng không gây nhiễu sóng các thiết bị hàng hải, tính ổn định của bóng đèn cao... Đèn Led cũng đã giải quyết tốt việc nhanh chóng phát sáng sau khi dùng các thiết bị phát hiện cá để khai thác giúp tiết kiệm thời gian, gia tăng số mẻ lưới; Quá trình lắp đặt, thay thế, vận hành đèn Led thuận lợi và an toàn hơn so với đèn Siu (ảnh hưởng tới thị lực, bỏng da, cháy nổ...).

Có thể nói, việc triển khai thử nghiệm ứng dụng công nghệ đèn Led trong khai thác hải sản cho kết quả tốt đã bước đầu khẳng định tính phù hợp của công nghệ này. Ứng dụng công nghệ Led giúp thay đổi cách nghĩ, cách làm của chính quyền, ngư dân cũng như đáp ứng rất tốt định hướng tăng trưởng xanh, bền vững, an toàn và hiệu quả. Tuy vậy để đèn Led có thể triển khai sử dụng rộng rãi trong thực tế thì cả người dân, doanh nghiệp nghiên cứu chế tạo và các cơ quan quản lý cần có những điều chỉnh phù hợp về thói quen, tập quán sử dụng thiết bị; hạ giá thành sản phẩm; đổi mới hình dáng kết cấu, chủng loại và trọng lượng đèn; có thêm chính sách khuyến khích ứng dụng khi triển khai thiết bị trong sản xuất ...■

CHU VĂN TRÍ
Trung tâm Khuyến nông Quảng Ninh

ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG NUÔI THỦY SẢN NHẰM THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở THANH HÓA

Thanh Hóa hiện có 4.300 ha diện tích nuôi trồng thủy sản nước lợ, trên 7.500 ha diện tích ao đầm và vùng trũng nuôi trồng thủy sản kết hợp cấy lúa. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nghề nuôi trồng thủy sản ở địa phương đã áp dụng phương thức nuôi, đối tượng nuôi mới phù hợp, hiệu quả thích ứng với tác động bất thuận của thời tiết, góp phần giảm thiểu rủi ro và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Với mục tiêu đó, Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa đã xây dựng mô hình "Áp dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi một số loài thuỷ sản thích ứng với biến đổi khí hậu" tại xã Hoằng Đại, thành phố Thanh Hóa. Quy mô mô hình 3,4 ha, có 5 hộ tham gia, mật độ thả tôm chân trắng 15 con/m^2, cá đối mục 0,3 con/m^2, thời gian nuôi 6 tháng.

Thực hiện mô hình, các hộ dân được tập huấn, hội thảo tổng kết, nhân rộng mô hình và được hỗ trợ 100% giống, 30% thức ăn công nghiệp, được trao đổi thông tin về dịch bệnh giữa các hộ thực hiện mô hình và cán bộ kỹ thuật.

Qua 6 tháng triển khai mô hình, kết quả tôm chân trắng đạt tỷ lệ sống trung bình 70%, năng suất đạt 1.312 kg/ha, cao hơn so với yêu cầu 1.200 kg/ha. Riêng cá đối mục tỷ lệ sống trung bình đạt 75%, cỡ cá thu hoạch 250 g/con; năng suất trung bình đạt 562 kg/ha, hiệu quả kinh tế sau khi trừ chi phí đạt 50 - 55 triệu đồng/ha/vụ (tăng 25 - 30% so với hình thức nuôi tôm sú quảng canh).

Hiệu quả của mô hình đã góp phần tạo công ăn việc làm ổn định, giúp nông dân trong vùng tiếp cận với kỹ thuật nuôi, hình thức mới, cách làm mới để nâng cao đời sống, nâng cao giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích đặc biệt là góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

Mô hình nuôi cá nước ngọt tại Thanh Hóa góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu

Hiện nay, toàn tỉnh Thanh Hóa có khoảng 1.000 ha diện tích trồng lúa bị nhiễm mặn; 1.500 ha diện tích nuôi tôm sú kém hiệu quả tại các xã như: Hoằng Phong, Hoằng Châu, Hoằng Lưu, Hoằng Quang, Hoằng Đạt, Hoằng Đại, Hoằng Long, Trường Trung, Trường Giang, Quảng Chính, Quảng Trung... có thể chuyển đổi sang hình thức nuôi kết hợp tôm sú, tôm chân trắng, cá đối mục, cá rô phi ...

Vì vậy, để nhân rộng mô hình các cấp, các ngành chức năng cần quan tâm và có nhiều chính sách hỗ trợ nông dân như cho thuê đất lâu dài, hỗ trợ vốn và tìm kiếm thị trường đầu ra để người dân yên tâm sản xuất■

THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa

LAI CHÂU: ĐỔI THAY TỪ CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI Ở XÃ TÀ MÍT

Xã Tà Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu vừa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Đó là thành quả và sự cố gắng của chính quyền và nhân dân toàn xã sau 7 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Từ năm 2011 đến nay, bằng các nguồn đầu tư, xã đã cứng hóa, mở mới được trên 35 km đường giao thông nông thôn. Đến nay, 100% đường giao thông liên xã; 89% đường giao thông nội đồng được cứng hóa, đảm bảo đi lại và sản xuất thuận tiện. Toàn bộ hệ thống điện của xã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; các bản đều có điện lưới quốc gia, tổng số hộ được sử dụng điện an toàn từ các nguồn đạt 96%; 2 trường học trên địa bàn xã đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất. Xã có 01 nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt văn hóa tại các bản đảm bảo tổ chức các hoạt động vui chơi và sinh hoạt của người dân. Hiện trên địa bàn xã không có nhà tạm, nhà dột nát. Số nhà ở đạt chuẩn quy định là 100%.

Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân được xã chỉ đạo theo hướng thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế, thâm canh tăng vụ nâng cao thu nhập cho người dân; đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm; tích cực thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng đàn gia súc. Các hộ gia đình đã đẩy mạnh phát triển các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của xã như phát triển trồng rừng và nuôi thủy sản.

Từ các nguồn hỗ trợ của Nhà nước, xã đã vận động nhân dân trồng được trên 675 ha quế, nuôi trên 130 lồng cá ở lòng hồ với những loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao như cá lăng, cá bống tượng…. Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2018 là 29,1 triệu đồng/người/năm (tăng 24,1 triệu đồng/người/năm so với năm 2011). Tỷ lệ hộ nghèo của xã cuối năm 2018 còn 10,46% (giảm 42,5% so với năm 2011). Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt xấp xỉ 100%.

Gia đình ông Lò Văn Mín ở bản Nậm Khăn, xã Tà Mít là hộ dân tiêu biểu trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới cho biết: "Năm 2011, khi chúng tôi chuyển về nơi ở mới cũng là lúc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được xã triển khai thực hiện. Bước đầu vô cùng khó khăn do cơ sở vật chất thiếu thốn, nhận thức của nhân dân còn hạn chế. Tuy nhiên, sau khi được tuyên truyền, vận động, hơn 7 năm qua, tôi và các hộ trong bản đã hiến trên 1.000m^2 đất, đóng góp trên 1.000 ngày công làm đường giao thông nông thôn và nhà văn hóa bản; trồng được trên 150 ha quế, nuôi 35 lồng cá, mang lại thu nhập ổn định".

Người dân xã Tà Mít nuôi cá lồng đạt hiệu quả cao trên lòng hồ Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát

Hàng năm, xã đã tổ chức trên 30 buổi tuyên truyền, vận động với sự tham gia của trên 1.500 lượt người dân. Qua đó, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới. Nhân dân các bản tự nguyện hiến đất, đóng góp ngày công lao động để làm đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa; riêng trong năm 2018, người dân trên địa bàn xã đã hiến 2.500 m^2 đất; đóng góp trên 2.000 ngày công thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học THPT, chương trình bổ túc, học nghề năm 2018 đạt 70,98%. Tổng số lao động qua đào tạo của xã đạt 39,78%. Xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Hệ thống chính trị được xã quan tâm thực hiện. Đến nay, có 95,4% cán bộ xã đạt chuẩn theo quy định...

Môi trường là tiêu chí được đánh giá khó thực hiện. Tuy nhiên đến nay, xã đã vận động làm được 230 hố rác, 100% hộ dân trong xã được sử dụng nước hợp vệ sinh. Đường làng, ngõ bản, cảnh quan xanh - sạch - đẹp; không có cơ sở sản xuất, kinh doanh xả chất thải, rác thải gây ô nhiễm môi trường. Tất cả các bản đều xây dựng hương ước, quy ước về giữ gìn vệ sinh chung.

Sau hơn 7 năm triển khai thực hiện, Chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Tà Mít đã tạo ra sức lan tỏa lớn và mang lại hiệu quả thiết thực. Các công trình hạ tầng được đầu tư mới và nâng cấp đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân. Xã sẽ tiếp tục duy tu, bảo dưỡng các công trình đã được đầu tư; đẩy mạnh khai hoang ruộng nước để chủ động về lương thực; tăng cường phát triển chăn nuôi, trồng các loại cây có giá trị kinh tế; phát triển trồng rừng để nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình; tích cực xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp…■

NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG
Sở Nông nghiệp và PTNT Lai Châu

BẮC GIANG: THƠM NGON TRÁI ỔI PHÚC HÒA

Xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là xã nổi tiếng với trái vải thiều chín sớm và giờ đây có thêm trái ổi thơm ngon được người dân trong và ngoài vùng biết đến.

Nhận thấy hiệu quả của cây ổi lê Đài Loan, anh Bùi Văn Chung ở thôn Lân Thịnh, xã Phúc Hòa cùng các hộ trong thôn mạnh dạn mở rộng diện tích vườn đồi để trồng ổi. Anh cho biết, với diện tích 1,3 mẫu (1 mẫu = 3.600m^2) đất vườn đồi, gia đình trồng trên 1 nghìn gốc ổi, hiện đang năm thứ 3 cho thu hoạch quả rộ. Vụ ổi vừa qua, anh thu khoảng 9 tấn quả, với giá bán buôn tại vườn là 12.000 - 14.000 đồng/kg, trừ chi phí, anh thu nhập gần 100 triệu đồng/vụ.

Giống ổi lê Đài Loan không kén đất trồng, thích ứng tốt với mọi loại đất từ đất sỏi, đất cát, cát pha, đến đất bazan hay đất thịt cây đều sinh trưởng và phát triển được. Ổi chỉ cần đất không ngập nước và có nước tưới vào mùa khô. Để cây ổi nhanh có trái nên chọn giống từ cây chiết cành thì từ lúc trồng đến khi ra trái khoảng 2 tháng. Chăm sóc cây ổi lê Đài Loan cần lưu ý đến vấn đề bấm ngọn và tỉa cành cho cây. Đây là công việc quyết định đến năng suất và chất lượng vườn ổi. Ổi có thể ra hoa và quả quanh năm nhưng để cây khỏe mạnh chỉ nên khai thác quả từ tháng 7 đến tháng 12 âm lịch.

Cùng thôn với anh Chung, ông Nguyễn Văn Toản, trồng gần 2.000 gốc ổi chia sẻ, khi thấy cây ổi bắt đầu ra quả nhỏ thành từng cặp nên tỉa bỏ bớt quả không đạt (dị tật, bệnh,…) để dưỡng cho quả ổi còn lại mau lớn, mỗi cành chỉ để 1 - 2 cặp quả phía trong gần thân chính tùy vào cây, ngắt bỏ quả phía ngoài ngọn. Khi cây ổi cho vài đợt quả và thấy hiện tượng cây bắt đầu suy yếu thưa lá, lá mới nhỏ dần thì cắt tỉa thu gọn bớt tán cây, bón phân đầy đủ để cây ổi bắt đầu cho đợt quả mới. Như vậy sẽ giúp cây phát triển tốt, năng suất đều và tránh được bệnh. Khi quả to bằng ngón tay cái thì dùng túi bọc chuyên dụng để bọc quả. Việc bọc quả sẽ giúp quả tránh được côn trùng gây hại và giúp cho quả ổi được thơm ngon, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, có mẫu mã đẹp.

Hiện trên địa bàn huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang có khoảng 170 ha ổi, chủ yếu là giống ổi Đài Loan, trồng tại các xã Phúc Hòa, Hợp Đức, Cao Thượng, An Dương, Ngọc Thiện... Cây ổi trồng trên đất Tân Yên hợp thổ nhưỡng, sai quả, cho thu quanh năm và cho thu rộ vào năm thứ 2, thứ 3. Sản lượng đạt khoảng trên 1 nghìn tấn/năm. Bình quân 1 ha ổi cho thu từ 115 - 120 triệu đồng. Những năm gần đây, bà con đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích trồng ổi lê Đài Loan. Do có vùng sản xuất tập trung nên ổi Phúc Hòa bắt đầu "có tiếng", được nhiều người biết, được nhiều thương lái đến tận vườn đặt mua để tiêu thụ ở các nơi■

HƯƠNG GIANG
Trung tâm Khuyến nông Bắc Giang

LÃO NÔNG BA ĐẢO
VỚI GIẢI PHÁP TIÊU THỤ SẦU RIÊNG

Sầu riêng được sơ chế trong phòng lạnh tại trang trại Ba Đảo

Đến thôn Bàu Nghé, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước hỏi thăm ông Trương Văn Đảo trồng sầu riêng, hầu như mọi người đều biết đến với cái tên thân mật Ba Đảo.

Đã gần 70 tuổi, ông Ba Đảo được người dân nơi đây biết đến như "Vua trồng sầu riêng" ở địa phương. Không chỉ sản xuất có trách nhiệm, trang trại Ba Đảo còn xây dựng được thương hiệu uy tín, là địa chỉ để nhiều đoàn tham quan tới học hỏi, trao đổi kinh nghiệm. Trang trại luôn chủ động được nguồn hàng cung ứng cho thị trường, không bị động về giá, giúp cây sầu riêng phát triển bền vững mang lại thu nhập cao cho gia đình.

Sầu riêng Ba Đảo từ lâu đã là cái tên quen thuộc đối với đa số nông dân trồng cây ăn trái cũng như người sành sầu riêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và một số thị trường tiêu thụ khác. Đến nay, trang trại 20 ha của ông đang trồng các loại sầu riêng Chín Hóa, Ri6, Monthong, trong đó có khoảng 10 ha đang cho thu hoạch. Mỗi năm thu hơn 100 tấn trái, cho thu nhập trên 5 tỷ đồng. Trải qua 24 năm làm nông nghiệp nhưng những nhiệt huyết với nghề của lão nông Ba Đảo vẫn nguyên vẹn như ngày đầu.

Gắn bó với nghề trồng cây ăn trái từ năm 1995, ông được xem là người đầu tiên trồng sầu riêng ở mảnh đất bãi bồi màu mỡ của lòng hồ thủy điện Thác Mơ. Từ những khó khăn và thất bại ban đầu, ông đã có thêm nhiều kinh nghiệm cùng những bài học quý báu để sản xuất sầu riêng đạt hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Nói về những khó khăn đã trải qua, ông chỉ tiếc vì đã chọn chưa đúng giống sầu riêng. Do chưa có nhiều kinh nghiệm về thị trường nên ban đầu ông lựa chọn giống sầu riêng Chín Hóa để trồng. Với đặc điểm trái nhỏ, hương vị đậm đà nhưng cơm nhão nên ít được thị trường ưa chuộng, giá bán thấp hơn so với các giống Ri6, Monthong. Mặc dù mỗi năm thu về khoảng trên 100 tấn trái nhưng diện tích sầu riêng Chín Hóa không được mở rộng, chỉ duy trì khoảng 10ha. Diện tích còn lại ông trồng những giống có giá trị kinh tế cao hơn như Ri6, Monthong … và một số cây ăn trái khác.

Nhận thấy giống Chín Hóa có hương vị đậm đà, cơm mềm, mịn, ít xơ, thích hợp để làm kem, sau nhiều lần suy tính, cuối năm 2017 ông quyết định đầu tư 2 tỷ đồng xây dựng kho cấp đông và trữ lạnh sầu riêng. Kho trữ lạnh gồm một phòng sơ chế nguyên liệu, cấp đông và một phòng trữ lạnh để bảo quản cơm sầu riêng. Đây được coi là giải pháp tiêu thụ lâu dài cho sản phẩm. Sầu riêng sau khi hái được rửa sạch sẽ, sau đó bóc vỏ, tách múi (tách múi có hạt hoặc không hạt) đựng vào hộp, hút chân không đưa vào kho lạnh lưu trữ. Khi đủ số lượng sẽ xuất bán cho thương lái theo hợp đồng hoặc chuyển về kho lạnh tại thành phố Hồ Chí Minh để cung cấp làm nguyên liệu sản xuất kem. Với cách làm này, ngoài tiêu thụ sầu riêng nguyên trái vào chính vụ, ông còn dự trữ và cung cấp sản phẩm sầu riêng quanh năm.

Thị trường tiêu thụ của trang trại chủ yếu là thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Hà Nội … Trang trại xây dựng website riêng để kết nối thương mại, tăng khả năng tiêu thụ. Ông luôn tâm niệm "Làm thương hiệu thì phải giữ uy tín cho thương hiệu. Tôi giữ thương hiệu bằng chính uy tín của mình".

Ngoài công việc tại trang trại, hiện ông Ba Đảo còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Hợp tác xã (HTX) cây ăn trái Bàu Nghé. Ông luôn mang nhiệt huyết của mình để giúp các hộ trong HTX tiếp cận khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất cây ăn trái, tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Sắp tới ông sẽ trồng thêm 19 ha sầu riêng và mở rộng kho lạnh để hỗ trợ thêm cho các thành viên trong HTX phòng khi thị trường có biến động bất lợi. Chủ động tìm giải pháp phòng ngừa rủi ro thị trường tiêu thụ sản phẩm của lão nông Ba Đảo là việc làm mà nhiều nông dân cần tính đến trong sản xuất nông nghiệp hiện nay■

VŨ HƯỜNG
Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Bình Phước

PHÚ YÊN: NUÔI GÀ AN TOÀN SINH HỌC CHO THU NHẬP CAO

Mô hình nuôi gà trên nền đệm lót sinh học của gia đình anh Nguyễn Giang Phúc

Anh Nguyễn Giang Phúc, sinh năm 1986, tại thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành điện. Với tấm bằng này, năm 2011, anh đã làm việc tại TP. Hồ Chí Minh với mức lương ổn định. Cuối năm 2013, công ty giao anh phụ trách lắp đặt điện cho một trại gà công nghiệp tại Gia Kiệm, Đồng Nai. Từ những chuyến công tác tại trại gà, anh nảy ra ý định chăn nuôi gà.

Đầu năm 2014, anh Phúc quyết định rời thành phố về quê nhà để khởi nghiệp trên chính mảnh đất vườn với diện tích 4.000 m^2. Lứa đầu tiên anh nuôi 500 con gà giống của Công ty gà giống Minh Dư, một tháng sau anh nuôi thêm 500 con. Nhờ áp dụng đầy đủ quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, thực hiện đúng quy trình sử dụng vắc-xin, vệ sinh sát trùng chuồng trại. Đặc biệt, anh là người đầu tiên trong vùng áp dụng quy trình nuôi gà an toàn trên nền đệm lót sinh học bằng men Balasa N01. Sau 3 tháng nuôi, tỉ lệ sống đạt 95%, gà trống đạt trọng lượng trung bình 2 kg/con, gà mái đạt trọng lượng trung bình 1,7 kg/con. Với mức giá bán khi đó là 70.000 đồng/kg, thị trường tiêu thụ tại chợ Lớn Tuy Hòa và chợ Tân Hiệp, thời gian bán trong 10 ngày, sau khi trừ chi phí anh thu lãi 25 triệu đồng.

Thấy việc nuôi gà thuận lợi anh nuôi tiếp lứa 2, kết quả gà vẫn đạt trọng lượng như lứa thứ nhất. Thời điểm đó, giá gà giảm còn 60.000 đồng/kg, trừ chi phí chỉ lãi 10 triệu đồng. Tiếp tục nuôi lứa thứ 3 với 1.000 con, khi xuất chuồng thì giá gà giảm chỉ còn 55.000 đồng/kg nhưng bán rất chậm. Lúc đó anh mới nghĩ phải mở rộng, tìm thị trường mới chứ không thể phụ thuộc vào chợ tại địa phương. Anh Phúc bắt đầu tìm hiểu các nhà hàng và dịch vụ tại Tuy An. Tổng kết năm đầu tiên, với 4.000 con gà, trừ chi phí anh thu lãi 80 triệu đồng.

Qua năm thứ 2 anh bắt đầu nuôi gà theo thời điểm, quy mô 4.000 con/năm. Anh luôn áp dụng quy trình nuôi gà trên nền đệm lót sinh học bằng men Balasa N01 từ khi gà 10 ngày tuổi tới khi gà xuất chuồng. Trước khi thả nuôi 10 ngày, anh rải trấu lên diện tích chuồng nuôi, ủ men Balasa N01 với bột bắp theo tỉ lệ 1 : 2. Tùy theo mật độ và diện tích chuồng nuôi, anh Phúc sẽ thay đệm lót trong quá trình nuôi hoặc tới khi xuất chuồng mới thay đệm lót mới.

Anh Phúc cho biết với kỹ thuật nuôi gà trên nền đệm lót sinh học bằng men Balasa N01 đã mang lại một số lợi ích như: không gây ô nhiễm môi trường, gà ít bệnh, nhanh lớn, giảm chi phí ban đầu và nhân công vệ sinh chuồng trại. Lưu ý, khi phun thuốc sát trùng không được phun trực tiếp lên đệm lót mà chỉ được phun xung quanh chuồng trại, phun khu vực thả gà vận động, vì phun trực tiếp lên đệm lót sẽ làm chết men, làm mất tác dụng của đệm lót. Trong quá trình nuôi không được để nước thấm ướt làm hỏng đệm lót.

Đến nay, sau 5 năm nuôi gà, trung bình mỗi năm anh Phúc nuôi từ 4.000 - 5.000 con gà thịt, anh đã xây dựng được thị trường tiêu thụ gà ổn định, nhờ đó thu lợi nhuận cả trăm triệu đồng/năm. Ngoài thu nhập từ việc bán gà thịt anh còn tận dụng lượng phân gà ủ thành phân hữu cơ hoai mục để phục vụ trồng hoa màu, góp phần tăng thu nhập cho gia đình.

Điều đáng quý là anh Phúc rất nhiệt tình chia sẻ kinh nghiệm với mọi người đến tham quan học tập, giúp đỡ các hộ mới bước vào nghề cách nuôi và thị trường đầu ra cho sản phẩm. Ghi nhận những thành tích trong sản xuất đã đạt được, năm 2018 anh đã được UBND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên trao tặng giấy khen lao động sản xuất tiêu biểu của địa phương■

LÊ HỮU PHÚC
Trạm Khuyến nông huyện Tuy An, Phú Yên

YÊN BÁI: NUÔI THỎ CHO THU NHẬP CAO

Anh Vũ Mạnh Thắng kiểm tra đàn thỏ của gia đình

Nuôi thỏ không cần vốn nhiều, dễ nuôi, kỹ thuật nuôi không đòi hỏi quá cao mà hiệu quả kinh tế thì hơn hẳn. Đó là lời khẳng định của anh Vũ Mạnh Thắng ở thôn Tân Hà, xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái khi so sánh hiệu quả kinh tế của mô hình chăn nuôi thỏ với các đối tượng chăn nuôi khác do chính anh trải nghiệm.

Anh Thắng bắt đầu nuôi thỏ từ năm 2015 do được một người bạn giới thiệu. Ban đầu vốn ít nên anh chỉ đầu tư nuôi 10 cặp bố mẹ giống thỏ New Zealand. Đây là giống thỏ có nhiều ưu điểm như khả năng sinh trưởng và phát triển nhanh, vóc dáng lớn, sinh sản đều, thịt thơm ngon. Chia sẻ về kinh nghiệm nuôi thỏ, anh cho biết thêm: Chi phí đầu tư nuôi thỏ không cao, chuồng nuôi khá đơn giản, có thể làm bằng tre hoặc lưới sắt, song phải cao ráo và sạch sẽ, mùa hè thoáng mát, mùa đông kín ấm. Anh chịu khó học hỏi kinh nghiệm của những người nuôi trước, cộng với chịu khó mày mò đọc thêm tài liệu trên mạng Internet, nên khi áp dụng vào điều kiện thực tế của gia đình, đàn thỏ của gia đình anh phát triển khỏe mạnh. Quanh nhà, anh còn tận dụng đất vườn để trồng một số loài cây có tác dụng hạn chế các bệnh đường ruột để bổ sung vào khẩu phần ăn cho thỏ như chè khổng lồ, hoàn ngọc, ổi…

Trung bình một con thỏ mẹ giống New Zealand một năm đẻ được từ 6 - 8 lứa, mỗi lứa khoảng 6 - 8 con, sau khoảng hơn 3 tháng nuôi, thỏ đạt khoảng 2,5 - 3kg/con. Để thuận lợi cho việc tiêu thụ thỏ thương phẩm, anh sắp xếp, bố trí cho thỏ mẹ sinh sản hợp lý, giãn cách nhau, tránh tình trạng nuôi dồn thỏ con cùng một thời điểm, vừa khó chăm sóc, vừa khó tiêu thụ. Tuy thỏ không gặp nhiều bệnh trong quá trình nuôi như những vật khác nhưng anh không chủ quan mà luôn chú ý đến thức ăn cũng như chế độ chăm sóc và vệ sinh chuồng trại để hạn chế tối đa dịch bệnh. Theo anh, thỏ chủ yếu thường mắc một số bệnh như *E.coli*, cầu trùng và dễ bị ghẻ, nấm…, Nếu để thỏ mắc những bệnh này sẽ lây lan ảnh hưởng đến đàn khiến thỏ chậm phát triển còn. Trong quá trình nuôi, phải theo dõi chặt chẽ sự phát triển của thỏ bằng cách ghi nhật ký về ngày thỏ mẹ mang thai, ngày sinh, ngày tách đàn, quá trình sinh trưởng.

Trải qua hơn 3 năm gắn bó với nghề nuôi thỏ, từ một khoảng diện tích nhỏ với 20 con thỏ bố mẹ ban đầu, đến nay diện tích nuôi thỏ của gia đình anh đã lên đến gần 300 m^2 với hơn 700 con, trong đó có khoảng 100 con thỏ bố mẹ. Việc tiêu thụ thỏ thương phẩm của gia đình anh giờ đã thuận lợi hơn trước rất nhiều, các nhà hàng đã chủ động tìm đến thu mua chứ không phải đi từng điểm giới thiệu như trước kia. Trung bình mỗi năm anh xuất bán khoảng 3 tấn thỏ, với giá bán trung bình 75.000 đồng/kg, sau khi trừ đi chi phí cũng cho thu lãi khoảng 150 triệu đồng.

Anh Thắng khẳng định, từ trải nghiệm của bản thân, anh nhận thấy, so với chăn nuôi gia súc, gia cầm thì nuôi thỏ có hiệu quả cao hơn, rất phù hợp với những hộ dân không có điều kiện về vốn và đất đai. Trong thời gian tới, gia đình anh sẽ tận dụng diện tích đất còn lại của gia đình để xây dựng thêm chuồng nuôi thỏ, tăng quy mô nuôi thỏ lên 1.500 con■

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Yên Bái

TRÀ VINH: NUÔI TÔM THẺ TRONG BỂ TRÒN KHUNG SẮT

Hiện nay tại Trà Vinh phong trào nuôi tôm thẻ chân trắng đang ngày càng phát triển mạnh với diện tích thả nuôi trên 6.000 ha/năm. Đặc biệt, nhiều hình thức nuôi ứng dụng công nghệ cao như nuôi thâm canh hai giai đoạn, nuôi tôm trong ao trải bạt, nuôi tôm trong ao trải lưới mành, nuôi tôm trong nhà lưới... được người dân áp dụng rộng rãi nhằm quản lý và kiểm soát tốt các yếu tố môi trường, dịch bệnh, hạn chế rủi ro.

Mới đây, mô hình nuôi tôm thẻ siêu thâm canh trong bể tròn khung sắt được anh Trần Văn Triệu ở ấp Cây Còng, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải thực hiện đạt được hiệu quả cao. Anh Triệu cho biết, qua tìm hiểu thông tin từ cán bộ khuyến nông, các phương tiện thông tin đại chúng; cộng với quá trình tham quan, học hỏi kinh nghiệm thực tế ở tỉnh Bạc Liêu, anh đã mạnh dạn đầu tư 1,5 tỷ đồng xây dựng cải tạo diện tích 2,5 ha của gia đình để nuôi tôm thẻ siêu thâm canh trong bể tròn khung sắt. Hệ thống nuôi bao gồm: 4 bể nuôi mỗi bể 500m^3, 2 bể ương mỗi bể 120m^3 (Các bể được thiết kế hình tròn khung sắt có lót bạt xung quanh và hệ thống ôxy lưới bao quanh, máy móc, thiết bị), hai ao nuôi diện tích 2.000 m^2, 1 ao chứa nước thải 100 m^2 và hầm xử lý chất thải biogas 20 m^3. Diện tích còn lại là 2 ha ao lắng được kết hợp thả cá rô phi để góp phần xử lý chất thải, giúp cải thiện chất lượng nước.

Quá trình nuôi và thu hoạch được thực hiện trên 3 bể với mật độ nuôi 300 con/m^2. Kết quả thu hoạch trung bình qua 2 đợt nuôi (mỗi đợt 115 - 120 ngày) như sau: tỷ lệ sống đạt 83 - 100%, năng suất 53 - 59 tấn/ha, trọng lượng tôm bình quân lúc thu hoạch đạt 26,5 - 28 con/kg, đạt lợi nhuận 500 triệu đồng/đợt nuôi. Tổng kết mô hình, anh Triệu nhận thấy nuôi tôm thẻ siêu thâm canh trong bể tròn khung sắt lót bạt có một số ưu điểm như sau:

Thuận tiện trong việc chăm sóc, quản lý tôm nuôi, chủ động kiểm soát các yếu tố chỉ tiêu môi trường trong ao nuôi. Trong quá trình nuôi có sử dụng vi sinh định kỳ nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường giúp tôm nuôi phát triển tốt. Bể nuôi lắp ráp nhanh, chủ động khi di dời; Ao nuôi nhỏ, thả nuôi tôm thịt có kích cỡ lớn, giảm hao hụt, hạn chế rủi ro, rút ngắn thời gian nuôi; Dễ thu gom chất thải và tận dụng chất thải, vỏ tôm làm nguyên liệu bể biogas tạo chất đốt để sử dụng, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Thời gian tới, anh sẽ đầu tư thêm 2 bể nuôi, tăng cường thêm hầm biogas và ứng dụng công nghệ vào quản lý ao nuôi bằng "Hệ thống giám sát và cảnh báo tự động một số chỉ tiêu chất lượng nước trong nuôi tôm". Đây là hình thức nuôi mới mang lại hiệu quả cao, thông qua mô hình này sẽ góp phần giúp người nuôi tôm có thêm nhiều lựa chọn để ứng dụng rộng rãi vào sản xuất nhằm năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển nuôi tôm theo hướng công nghiệp, bền vững■

TRƯƠNG VĂN THƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Trà Vinh

KỸ THUẬT CHĂM SÓC CÂY DỪA THÍCH NGHI HẠN MẶN TẠI BẾN TRE

Tình hình nắng hạn đang diễn ra khiến độ mặn tại các địa phương ở tỉnh Bến Tre tăng cao, làm người trồng dừa lo lắng. Vốn là cây trồng truyền thống của người dân Bến Tre, trước diễn biến thời tiết ngày càng gay gắt, người trồng dừa cần lưu ý những biện pháp kỹ thuật chăm sóc sau:

1. Thiết lập hệ thống ngăn mặn, trữ ngọt trong mùa nắng

Thiết lập hệ thống đê bao chung trong khu vực hoặc từng vườn dừa nhằm đảm bảo chống ngập khi triều cường, ngăn mặn trữ ngọt trong mùa khô. Đê bao phải đủ rộng và cao hơn mực nước cao nhất trong năm tối thiểu 0,3m, gia cố hàng năm tùy theo diễn biến khí tượng thủy văn.

Thiết lập hệ thống cống cấp thoát nước của vùng hoặc từng vườn với đường kính phù hợp.

a. Cống đáy khi lắp đặt cống thẳng nằm ngang sâu dưới đáy mương nơi lấy nước vào vườn và làm chức năng xả cạn nước trong hệ thống mương để xổ phèn mặn khi mùa mưa đến hoặc lúc bồi bùn cho vườn.

b. Cống lửng khi lắp thêm một đoạn ống thẳng đứng để giữ lại mực thủy cấp phù hợp trong vườn lúc nước ròng qua một co nối L ở đầu cống và lấy nước bổ sung vào vườn khi nước lớn cao khỏi đầu ống.

Bên trong cần nạo vét hệ thống mương vườn sao cho đủ sâu, rộng, kín nước để làm chức năng trữ ngọt, đủ nước tưới cho các tháng mặn cao điểm trong mùa khô.

Chú ý:

Khi tích nước ngọt, mực nước cao nhất phải cách mặt liếp 0,5 m để không làm thối rễ dừa. Thiết kế hệ thống lấy nước bổ sung ngoài đê bao để tận dụng lấy nước tưới cho vườn khi nước lợ dưới 30‰, chú ý tưới nhiều nước để vừa cấp nước cho vườn, vừa rửa được phèn mặn tích tụ trên bờ liếp lúc mặn cao điểm xuống mương vườn.

Trong vườn cần phủ liếp giữ ẩm trong mùa khô bằng các vật liệu có sẵn như các tàu dừa, cỏ khô, rơm rạ,... hoặc màng phủ nông nghiệp.

2. Sử dụng phân bón hợp lý

Số lượng, cách bón theo bảng sau:

Loại phân	Số lượng	Cách bón
Urea	1 - 1,2 (kg/cây/năm)	Chia đều 4 - 6 lần/năm. Mùa khô bón lúc còn nước ngọt để tưới cho phân tan thấm vào đất.
Lân super hoặc lân nung chảy	2 (kg/cây/năm)	
Kali clorua	1 - 1,2 (kg/cây/năm)	
Super Humic	0,2 (kg/cây/năm)	
Borax	10 (g/cây/năm)	
Phân hữu cơ	20 - 40 (kg/cây/năm)	Bón vào đầu mùa mưa.
Vôi xám dolomite	500 - 1.500 kg/ha (tùy thuộc vào pH đất)	Chia đều bón 2 lần vào đầu và cuối mùa mưa.

3. Một số lưu ý khi chăm sóc

- Trước khi mặn xâm nhập: Chủ động tích ngọt trong hệ thống mương chứa, tích cực phủ gốc giữ ẩm và tưới đủ ẩm; kết hợp bón vôi và phân thúc cho vườn.

- Khi hạn mặn xảy ra: Củng cố hệ thống phủ liếp giữ ẩm, tưới nước ngọt đã dự trữ cho cây với hệ thống tưới tiết kiệm nước, khoảng cách giữa 2 lần tưới khoảng 5 - 7 ngày, nếu nước dự trữ còn nhiều cần kết hợp bón phân thúc theo lịch dự kiến.

- Khi kết thúc thời kỳ hạn mặn: Cần bón phân có nhiều lân, acid humic như phân hữu cơ các loại, Super Humic, DAP hoặc super lân, vôi dolomite để giảm thiểu độc chất do phèn, mặn, kích thích cây ra rễ mới phục hồi sinh trưởng. Sau khi bón được khoảng 3 - 4 tuần và có mưa đầu mùa ổn định thì tiến hành chăm sóc, bón phân bình thường trở lại.

4. Cách phòng trừ một số dịch hại trong thời kỳ hạn mặn

a. Bọ dừa

- Dùng các loại thuốc bảo vệ thực vật như: Actara (Thiamethoxam), Karate (Lambda cyhalothrin), Abamectin... pha theo liều lượng hướng dẫn trên bao bì, phun thẳng vào đọt dừa, nhất là vào búp lá non. Hoặc trộn thuốc vào mạt cưa hay mụn dừa, dùng vải túm lại và nhét vào đọt non các cây dừa tơ dưới 3 năm tuổi.

- Dùng ong ký sinh *Asecodes hispinarum*, kiến vàng để diệt bọ dừa đối với dừa trên 3 năm tuổi.

b. Bọ vòi voi

- Vệ sinh vườn dừa thường xuyên. Phát hiện những trái bị nhiễm nên tiêu hủy để hạn chế phát tán lây lan.

- Có thể sử dụng các loại thuốc hoạt chất Fipronil (Regent, Virigent, Tungent) hỗn hợp với thuốc Cúc tổng hợp (Sherbush, Karate) và chất bám dính để phòng trị bằng cách phun xịt lên khắp các buồng trái non của cây dừa đang bị gây hại.

c. Rệp dính

- Thường xuyên dọn sạch sẽ thông thoáng tán dừa.

- Tiêu hủy những tàu lá bị rệp gây hại.

- Dùng thuốc Imidacloprid (Admire, Yamida, Conphai), Chlopyrifos ethyl (Maxfos, Mapy, Dragon) hỗn hợp với chất bám dính, phun kỹ mặt dưới lá hoặc bộ phận bị hại 2 lần cách nhau 7 - 10 ngày.

d. Nhện đỏ

Thường chích hút mặt dưới lá dừa trong điều kiện thời tiết khô nóng, gây cháy lá sớm, nhất là khi dừa còn nhỏ. Phun thuốc Abamectin, Kumulus pha với chất bám dính ướt kỹ ở mặt dưới lá 2 lần cách nhau 7 - 10 ngày■

TRẦN THỊ VÂN
Trung tâm Khuyến nông Bến Tre

BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG

1. ĐẶC ĐIỂM BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

a. Đặc điểm của bệnh dịch tả lợn châu Phi

- Bệnh dịch tả lợn châu Phi là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do vi rút gây ra, lợn bị bệnh có tỷ lệ chết cao, có thể lên đến 100%. Hiện nay chưa có vắc - xin phòng, không có thuốc điều trị.

- Vi - rút dịch tả lợn châu Phi có trong máu, cơ quan nội tạng, dịch bài tiết của lợn nhiễm bệnh. Vi - rút trong máu lợn ở nhiệt độ 4°C có thể tồn tại trong 18 tháng lợn sau khi khỏi bệnh sẽ ở thể mãn tính có thể mang vi - rút suốt đời.

- Vi - rút bị tiêu diệt ở nhiệt độ 56°C trong 70 phút hoặc ở 60°C trong 20 phút.

- Vi - rút mẫn cảm với hầu hết các hóa chất và thuốc sát trùng thông thường như vôi, Iodine, Chloroform, Virkon® S,... và xà phòng.

- Bệnh dịch tả lợn châu Phi không gây bệnh cho người và các động vật khác.

b. Đường truyền lây bệnh

- Bệnh lây trực tiếp từ lợn ốm sang lợn khỏe.

- Bệnh lây gián tiếp do tiếp xúc với người, động vật, phương tiện, dụng cụ, thức ăn, nước uống, môi trường có mầm bệnh.

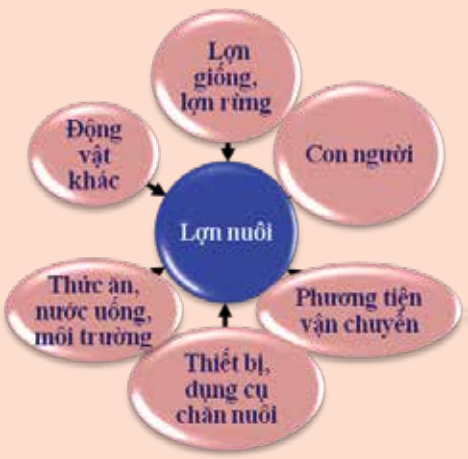

Lợn bị bệnh có triệu chứng: Da tái, cẳng chân, phần dưới ngực và bụng đỏ

c. Triệu chứng bệnh

- Lợn sốt cao: 40,5 - 42°C.

- Lợn bỏ ăn, lười vận động.

- Da tai, cẳng chân, phần dưới ngực và bụng đỏ sau đó xanh tím.

- Tiêu chảy đôi khi lẫn máu hoặc có thể táo bón.

2. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG

Thực hiện an toàn sinh học trong chăn nuôi gồm:

a. Cách ly, kiểm soát ra, vào cơ sở chăn nuôi

- Chăn nuôi cùng vào - cùng ra.

- Kiểm soát con giống: con giống phải sạch bệnh, giống mới mua phải nuôi cách ly ít nhất 2 tuần ở chuồng, khu cách ly.

- Thực hiện cách ly khu vực chuồng nuôi với nơi ở của người và động vật khác bằng hàng rào, vách ngăn xung quanh, cửa ra vào có khóa, bố trí hố hoặc khay sát trùng trước cửa ra vào chuồng,...

- Không nuôi các động vật khác như lợn rừng, gà, vịt, chó mèo,... trong khu vực nuôi lợn.

- Không cho khách tham quan chuồng, trại.

- Sử dụng quần áo, ủng, bảo hộ lao động riêng cho khu vực chăn nuôi, vệ sinh sát trùng quần áo, dụng cụ bảo hộ sau khi sử dụng.

- Diệt chuột và côn trùng gây hại. Ngăn chặn chim, động vật hoang dã và thú nuôi khác vào khu vực chăn nuôi.

- Cung cấp nước sạch (nước máy hoặc nước giếng khoan qua lọc) dùng cho lợn.

- Thức ăn hoặc nguyên liệu thức ăn đảm bảo chất lượng, không nhiễm mầm bệnh.

- Kiểm soát nguồn thức ăn cho lợn ăn: Không cho lợn ăn thức ăn thừa của người khi chưa được nấu chín.

b. Vệ sinh làm sạch

- Vệ sinh hàng ngày trong, ngoài chuồng nuôi, quét dọn, thu gom rác và chất thải. Rửa sạch chuồng trại, dụng cụ, bảo hộ lao động bằng nước với xà phòng hoặc chất tẩy rửa.

- Định kỳ 1 lần/tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực chăn nuôi.

c. Sát trùng

- Sát trùng trong, ngoài chuồng nuôi, các thiết bị, dụng cụ, bảo hộ lao động trước khi đưa vào trại và sau khi sử dụng.

- Sát trùng người và phương tiện vận chuyển,...

- Xử lý phân và chất thải bằng biogas, chôn, đốt.

- Tiêu hủy xác lợn chết và sản phẩm từ lợn theo đúng hướng dẫn của cơ quan thú y.

d. Thực hiện an toàn sinh học và "5 không"

- Không giấu dịch (thông báo với chính quyền và cơ quan chuyên môn khi phát hiện lợn nghi mắc bệnh DTLCP).

- Không mua, bán lợn bệnh, lợn chết.

- Không giết mổ tiêu thụ lợn bệnh, lợn chết.

- Không vứt lợn chết ra môi trường xung quanh.

- Không sử dụng thức ăn thừa chưa qua nấu chín làm thức ăn cho lợn.

đ. Giám sát và cảnh báo dịch bệnh

Người chăn nuôi thường xuyên theo dõi, giám sát đàn lợn; nếu phát hiện lợn bệnh, nghi mắc bệnh Dịch tả lợn châu Phi, lợn chết không rõ nguyên nhân hoặc lợn, sản phẩm của lợn nhập lậu, nghi nhập lậu, không rõ nguồn gốc thì báo cơ quan thú y, chính quyền địa phương.

e. Tiêu hủy lợn khi có dịch xảy ra

Khi có dịch bệnh xảy ra, phải chấp hành tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương. Mức hỗ trợ căn cứ theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh hoặc Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ:

+ Đối với lợn con, lợn thịt các loại, hỗ trợ với mức tối thiểu 80% giá thị trường tại thời điểm ở địa phương có dịch bệnh xảy ra.

+ Đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác, hỗ trợ với mức từ 1,5 đến 2 lần so với mức hỗ trợ các loại lợn khác tại thời điểm có dịch bệnh■

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

TĂNG CƯỜNG AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI

Rửa chuồng sau khi nuôi

Hiện nay, dịch bệnh nguy hiểm trên vật nuôi như Dịch tả lợn châu Phi, Cúm gia cầm đang diễn biến rất phức tạp nhưng kiến thức an toàn sinh học của người chăn nuôi đang rất hạn chế, ngay cả những chủ trang trại, gia trại có quy mô chăn nuôi lớn đến 4.500 con lợn. Vì vậy, rất cần tăng cường kiến thức an toàn sinh học cho người chăn nuôi, đặc biệt là phù hợp với chăn nuôi nông hộ, gia trại để vật nuôi khỏe mạnh, ít bệnh, tỷ lệ hao hụt thấp, năng suất cao, đảm bảo sức khỏe cho người chăn nuôi, hạn chế lây lan dịch bệnh.

I. Đảm bảo cách ly, kiểm soát vào, ra khu vực chăn nuôi

Thực hiện cách ly bằng cách xây dựng cổng, tường, hàng rào, vách ngăn giữa các khu vực, bố trí biển cảnh báo, đồng thời cách ly thời gian giữa các lứa nuôi, góp phần ngăn chặn được các loại mầmbệnh từ bên ngoài xâm nhập vào khu chăn nuôi và ngược lại.

Để đảm bảo an toàn sinh học, cần kiểm soát con giống, con người, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, thức ăn, nước uống, vật tư, động vật, côn trùng…

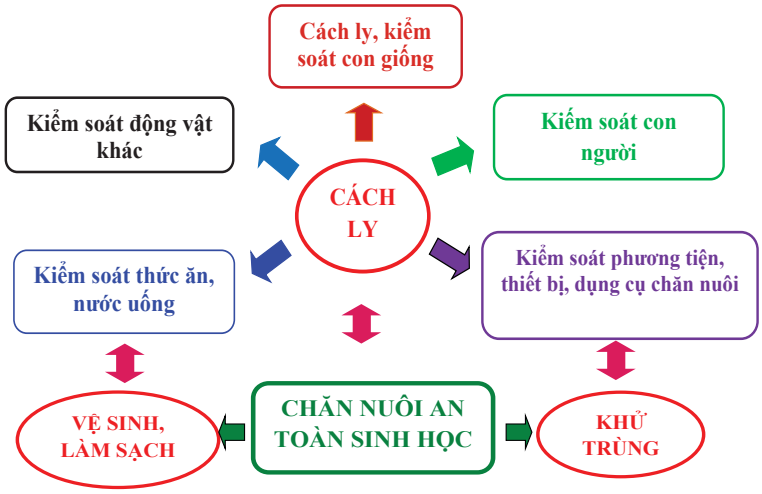

1. Cách ly và kiểm soát giống mới nhập về

Con giống khỏe mạnh mua từ cơ sở an toàn dịch bệnh, có nguồn gốc rõ ràng, được tiêm phòng đầy đủ và có bảo hành. Không nhập giống mới ngay vào đàn đang nuôi mà phải nuôi cách ly đàn mới mua về ít nhất 2 tuần, càng xa chuồng đang nuôi càng tốt. Thường xuyên quan sát bất kỳ biểu hiện bất thường nhằm phát hiện những con ủ bệnh để thực hiện phòng và trị bệnh kịp thời.

Đối với những chuồng, trại chăn nuôi mới xảy ra dịch bệnh, chỉ nhập giống khi chuồng trại đã khử trùng, trống chuồng theo đúng quy định của thú y, cần thiết phải nuôi chỉ báo, khi đàn vật nuôi đó an toàn mới tăng quy mô đàn.

2. Kiểm soát con người

- Mầm bệnh có thể lây lan từ bên ngoài vào trại chăn nuôi thông qua tay, chân, quần áo, giày dép của người khi tiếp xúc với vật nuôi, vì vậy khi dịch bệnh đe dọa, cần thực hiện "nội bất xuất, ngoại bất nhập", người chăn nuôi làm việc, ăn ở tại chỗ, cố định người và dụng cụ chăn nuôi cho từng dãy chuồng, từng khu riêng biệt. Nếu nhà ở gần khu chăn nuôi, không đưa thực phẩm tươi sống của động vật cùng loài với vật đang nuôi về nhà.

- Tất cả người làm, khách khi vào ra khu vực chăn nuôi đều phải: Thay quần áo bảo hộ; Thay giày dép/ủng dành riêng cho khu vực chăn nuôi; Rửa tay bằng xà phòng cả trước và sau khi tiếp xúc với vật nuôi và các nguồn lây nhiễm khác.

- Khi di chuyển giữa các khu vực nuôi cần thay, khử trùng giày, ủng, quần, áo, rửa tay chân bằng xà phòng.

- Chỉ những người thực sự cần thiết mới được vào chuồng, trại. Người buôn bán không được phép vào chuồng, trại.

- Hạn chế tối đa việc khách tham quan đến thăm.

- Người thực hiện công việc chăn nuôi nên hạn chế đến các hộ, trại chăn nuôi khác hoặc đến các chợ buôn bán vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi. Tuyệt đối không đi lại hoặc tham quan hay chữa trị bệnh vật nuôi của các hộ, trại chăn nuôi ở khu vực đang bùng phát hoặc nguy cơ cao xảy ra dịch bệnh.

3. Kiểm soát phương tiện vận chuyển

Phương tiện vận chuyển phải đỗ ở bên ngoài chuồng, trại, càng xa càng tốt. Đặc biệt, không cho phương tiện vận chuyển của thương lái đến gần chuồng, trại.Chỉ cho vào những trường hợp đặc biệt, nhưng phải đi qua hố khử trùng, cọ rửa và phun khử trùng kỹ, nhất là lốp xe, gầm xe…

4. Kiểm soát các trang thiết bị, dụng cụ

Chỉ những trang thiết bị, dụng cụ thật cần thiết mới được đưa vào chuồng, trại sau khi đã vệ sinh, khử trùng cẩn thận.Lưu ý với dụng cụ mang về từ ngoài vào như lồng, xe vận chuyển, bơm tiêm, … cần vệ sinh, khử trùng kỹ.

5. Kiểm soát thức ăn

- Nguy cơ gây bệnh từ thức ăn, đặc biệt thức ăn tận dụng từ nhà hàng, cần đun sôi 100^{0}C để diệt mầm bệnh nếu có.

- Giải pháp loại trừ nguy cơ gây bệnh do thức ăn:

+ Chỉ mua thức ăn chất lượng tốt từ cơ sở sản xuất thức ăn có uy tín. Thức ăn thơm ngon, còn hạn sử dụng, tơi xốp, không ẩm mốc, vón cục.

+ Nếu tự chế biến thức ăn: Nguyên liệu phải khô, không ẩm mốc, ngũ cốc phải còn nguyên hạt, không dập vỡ.

+ Bảo quản thức ăn trong kho đúng kỹ thuật: kê trên kệ, cách tường…

+ Luôn đậy kín hoặc bao gói kín thức ăn dùng dở để tránh chuột, côn trùng, chim hoang… gây ô nhiễm.

+ Thường xuyên vệ sinh máng ăn sạch sẽ.

+ Không để máng uống hoặc nước mưa ảnh hưởng đến thức ăn.

+ Không vận chuyển thức ăn đi qua ổ dịch.

+ Nếu dịch tễ đang phức tạp, cần xông khử trùng kho thức ăn ngay sau khi nhập, trước khi cho vật nuôi sử dụng.

6. Kiểm soát nước uống

Nước có thể bị nhiễm mầm bệnh, hóa chất, kim loại nặng từ nguồn cung cấp hoặc từ dụng cụ chứa đựng.Dùng nước sạch đảm bảo chất lượng như nước máy, nước giếng khoan có qua lọc.

Kiểm tra bể chứa thường xuyên, che đậy bể chứa đảm bảo không bị các loại tạp chất và chất bẩn xâm nhập, cọ rửa sạch máng uống hàng ngày. Định kỳ lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước.

7. Kiểm soát động vật khác, côn trùng

** Chim hoang dã*

- Nguy cơ: Truyền bệnh qua tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp qua thức ăn, nước uống bị ô nhiễm phân, dịch tiết có chứa mầm bệnh.

- Giải pháp: Có lưới che, giữ kho thức ăn sạch sẽ, không vãi thức ăn, chuồng nuôi luôn đóng cửa.

** Vật nuôi khác*

- Nguy cơ: Chó, mèo... có thể mang một số mầm bệnh truyền vào chuồng nuôi thông qua phân, xác vật nuôi,…

- Giải pháp: Không cho bất kỳ loại động vật khác nào vào chuồng nuôi, lắp lưới ở cửa sổ và luôn đóng kín cửa ra vào.

** Chuột*

- Nguy cơ: Chuột là vật trung gian truyền bệnh, ăn thức ăn, cắn dây, ống…

- Giải pháp: Dọn dẹp các đống rác xung quang chuồng, quét dọn thức ăn thừa, phát quang bụi rậm, thường xuyên đặt bẫy, đánh bả chuột. Đặc biệt có thể dùng ny-lon chắn đường đi của chuột hoặc với những trang trại, có thể rải đá răm sắc cạnh

xung quanh chuồng nuôi sẽ rất hiệu quả hoặc rải vôi dày trên đường chuột hay đi qua vì vôi bột sẽ xông lên mũi, chuột khó thở.

** Côn trùng (Ruồi, nhặng, ve, rận, bọ cánh cứng)*

- Nguy cơ: Mang trùng, vật trung gian truyền bệnh.

- Giải pháp: Không để nước đọng xung quanh khu vực chăn nuôi, dọn sạch chất thải rắn: phân rác, xác chết…, xịt thuốc diệt côn trùng, ký sinh trùng thường xuyên.

II. Tăng cường vệ sinh làm sạch

Vệ sinh, làm sạch chuồng nuôi, phương tiện vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi giúp loại bỏ trên 80% mầm bệnh.

- Vệ sinh khô: Hàng ngày thực hiện quét dọn, thu gom rác và chất thải (phân, rác…) cho vào nơi quy định để xử lý đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Vệ sinh ướt: Cọ rửa sạch dụng cụ, chuồng trại bằng nước với xà phòng hoặc chất tẩy rửa. Thực hiện sau khi vệ sinh khô và theo nguyên tắc từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài.

- Đối với chuồng, trại xảy ra dịch nguy hiểm, cần phun khử trùng kỹ trước khi rửa chuồng, dụng cụ chăn nuôi, nước rửa phải thu gom khử trùng, không để chảy tràn lan, tránh phát tán, lây lan dịch bệnh.

III. Khử trùng

1. Đối tượng, thời điểm và thời gian khử trùng

Thường xuyên khử trùng phương tiện vận chuyển, quần áo, dụng cụ (bơm, kim tiêm,…) trước khi vào chuồng, trại.

Định kỳ khử trùng chuồng, trại, tùy tình hình dịch tễ, nếu đang có dịch hoặc nguy cơ dịch đe dọa, phun khử trùng 1-2 lần/ngày, nếu dịch tễ an toàn, có thể phun 1 lần/tuần.

Tổng vệ sinh, khử trùng, trống chuồng sau khi kết thúc mỗi lứa nuôi.

Định kỳ khử trùng trong và ngoài chuồng nuôi

2. Nguyên tắc và các bước phun khử trùng

a. Nguyên tắc thực hiện

Phun khử trùng sau khi đã làm vệ sinh sạch sẽ.

Sử dụng đúng nồng độ, liều lượng, đảm bảo thời gian tiếp xúc ít nhất 10 phút với bề mặt sạch. Chỉ sử dụng các chất khử trùng được khuyến cáo, pha dung dịch khử trùng đúng nồng độ (theo chỉ dẫn của nhà sản xuất). Đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi.

Phun xuôi chiều gió, phun từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài. Phun theo hình chữ Z, lượt sau phun đè lên một phần của lượt trước để thuốc thấm đều lên toàn bộ bề mặt cần khử trùng.

b. Những chuẩn bị cần thiết khi khử trùng

Sau khi vệ sinh làm sạch, để đảm bảo thực hiện khử trùng đúng kỹ thuật và đảm bảo an toàn, người chăn nuôi cần chuẩn bị tốt các điều kiện về thiết bị, hoá chất, và các dụng cụ bảo hộ nhằm đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, cụ thể:

- Chuẩn bị đầy đủ trang bị bảo hộ cá nhân: quần áo bảo hộ (quần dài, áo dài tay), ủng, mặt nạ phòng độc/khẩu trang phòng hoá chất, kính bảo hộ, mũ và găng tay.

- Đọc kỹ thông tin ghi trên nhãn mác để chuẩn bị nguyên liệu và dụng cụ pha thuốc cho phù hợp: Tên hóa chất, thành phần, tỷ lệ pha, liều pha, mức độ độc hại, các yêu cầu về dụng cụ,…

3. Xông khử trùng

Đối với những vật tư chăn nuôi khó phun khử trùng như thức ăn chăn nuôi hoặc có thể khử trùng quần áo, bảo hộ lao động, dụng cụ, vật tư chăn nuôi....

Cần thiết kế buồng xông, buồng kín hạn chế khí thoát ra ngoài, hoặc dùng bạt kín chùm toàn bộ đống thức ăn hoặc dụng cụ cần xông và đặt chậu xông ở dưới để khí xông lan tỏa đều cả khu vực cần khử trùng.

Nồng độ xông: 17,5 gam thuốc tím + 35 ml formol + 35 ml nước/m^3 thể tích buồng xông/30 phút (dùng chậu sành, đổ thuốc tím vào sau đó đổ formol và nước, đóng cửa nhanh, người thao tác phải có bảo hộ lao động)■

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

KỸ THUẬT NUÔI TÔM QUẢNG CANH CẢI TIẾN 2 GIAI ĐOẠN

Áp dụng quy trình nuôi tôm quảng canh cải tiến 2 giai đoạn vào sản xuất là một trong những giải pháp từng bước giúp nâng cao tỷ lệ sống, tăng năng suất, tăng hiệu quả của mô hình nuôi tôm sú quảng canh, đặc biệt là ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay. Để giúp nông dân thành công, chúng tôi xin giới thiệu kỹ thuật nuôi tôm quảng canh cải tiến 2 giai đoạn như sau:

I. THIẾT KẾ HỆ THỐNG NUÔI

1. Vuông nuôi

Diện tích 5.000 - 10.000 m^2.

- Diện tích mương: Khoảng 30 - 35% diện tích nuôi.

- Vuông nuôi có diện tích lớn (chiều ngang rộng) nên thiết kế thêm mương phụ.

- Độ sâu mực nước: Trên trảng > 0,5 m, dưới kênh 1,2 - 1,5 m.

- Cống hoặc ống bọng: 1 - 2 cống hoặc ống bọng, khẩu độ đảm bảo cấp, thoát nước kịp thời.

2. Ao lắng

Chiếm 10 - 15% diện tích vuông nuôi (có thể tận dụng mương vườn hoặc kênh cấp nước làm khu lắng) nhằm lắng tụ phù sa, chứa nước để xử lý mầm bệnh, giúp chủ động được nguồn nước.

3. Ao ương

Dùng để ương tôm giống, giúp tôm thích nghi dần với môi trường, dễ chăm sóc, quản lý trong giai đoạn nhỏ, kiểm soát giống trước khi chuyển ra vuông nuôi. Tùy theo điều kiện sản xuất, mật độ, thời gian ương tôm giống để thiết kế xây dựng ao ương, hệ thống cung cấp ôxy cho phù hợp.

- Ao đất: Diện tích 500 - 1.000 m^2, độ sâu: 1 - 1,2 m.

- Bể ương, ao lót bạt: Diện tích 50 - 100 m^2, độ sâu: 1 - 1,2 m.

II. GIAI ĐOẠN I *(Ương tôm giống)*

1. Khâu chuẩn bị

a. Ao đất

- Ao ương được gia cố kỹ, sên vét sạch bùn đáy và đầm nén cho bằng phẳng, gia cố góc ao. Tháo rửa 2 - 3 lần trước khi rút cạn nước để bón vôi.

- Bón vôi (CaO) liều lượng 500 - 1.000 kg/ha (tùy thuộc pH đất), phơi đáy ao từ 7 - 10 ngày.

- Lấy nước vào ao ương từ ao lắng qua túi lọc để loại bỏ cá tạp và các sinh vật gây hại cho tôm, mực nước 1 - 1,2 m. Chạy quạt nước liên tục 3 - 4 ngày (4 giờ/ngày)để trứng các sinh vật có trong nước nở hết, sau đó tiến hành diệt khuẩn.

- 02 ngày sau tiến hành gây màu nước.

- Cấy vi sinh và điều chỉnh các yếu tố môi trường cho phù hợp (pH: 7,5 - 8,5, độ kiềm: 100 - 160 mg/l, độ trong: 30 - 40 cm, độ mặn: 10 - 25‰) thì chuẩn bị thả giống.

b. Bể ương, ao lót bạt

Tôm giống được ương theo công nghệ Biofloc.

- Nước được cấp từ vuông nuôi vào bể ương qua túi lọc, sau đó được xử lý trước khi ương tôm.

- Cách tạo Biofloc: Sử dụng hỗn hợp 0,5kg thức ăn số 0 + 3kg mật đường + 2 lít nước + 01 gói vi sinh (227gam/gói) ủ 10 - 12 giờ không sục khí, sử dụng liên tiếp 3 ngày vào buổi sáng.

- Để tạo và duy trì Biofloc trong giai đoạn ương cần phải cung cấp thêm nguồn carbon cho ao để kích thích sự phát triển của vi khuẩn dị dưỡng, Nitơ sẽ hấp thu thông qua việc tổng hợp protein của vi sinh vật.

2. Chọn giống và thả giống

Chọn giống: Mua tôm giống có nguồn gốc rõ ràng từ các cơ sở sản xuất được chứng nhận đảm bảo chất lượng.

Thả giống: Mật độ ương: Ao đất: 30 - 80 con/m^2; Ao lót bạt, bể ương: 1.000 - 2.000 con/m^2.

3. Chăm sóc và quản lý

a. Cho ăn

** Ao lót bạt, bể ương:*

Lượng thức ăn được tính cho 100.000 tôm PL15.

- Ngày đầu tiên: 300g.

- Từ ngày thứ 2 - 10: mỗi ngày tăng thêm 50g.

- Từ ngày thứ 11 - 20: mỗi ngày tăng thêm 150g.

- Từ ngày thứ 21 - 30: mỗi ngày tăng thêm 300g.

** Ao đất:*

- Liều lượng cho ăn 1 - 1,5 kg/ 100.000 con giống, mỗi ngày tăng từ 5 - 10% lượng thức ăn.

- Kích cỡ thức ăn cho tôm theo từng giai đoạn theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Cho tôm ăn 4 lần/ngày.

+ Lần 1: 05h00 - 06h00, 30% tổng lượng thức ăn trong ngày.

+ Lần 2: 9h00 - 10h00, 20% tổng lượng thức ăn trong ngày.

+ Lần 3: 15h00 - 16h00, 20% tổng lượng thức ăn trong ngày.

+ Lần 4: 20h00 - 21h00, 30% tổng lượng thức ăn trong ngày.

- Đối với hình thức ương trên bể, bạt, hàng ngày xi phông và thay 10 - 20% lượng nước.

- Sau thời gian ương 20 - 30 ngày chuyển tôm sang vuông nuôi giai đoạn 2.

Bà con lưu ý, tùy theo điều kiện sản xuất, mật độ ương tôm giống để thiết kế xây dựng ao nuôi cho phù hợp

b. Quản lý các yếu tố môi trường

- Yếu tố pH: kiểm tra 2 lần/ngày.

- Độ kiềm, NH_3, H_2S: định kỳ 7 ngày kiểm tra 1 lần.

- Trong quá trình ương cần bổ sung vôi, khoáng tạt,... để ổn định các yếu tố môi trường.

- Định kỳ 7 - 10 ngày sử dụng chế phẩm sinh học làm sạch môi trường ao nuôi.

c. Quản lý sức khoẻ tôm

- Hàng ngày quan sát tôm nuôi (nhất là các phần phụ bộ tôm như râu, chân bò, chân bơi...), màu sắc, vỏ tôm, hoạt động của tôm... để phát hiện những biểu hiện không bình thường và đưa ra hướng xử lý kịp thời.

-Hàng ngày bổ sung Vitamin C, khoáng tổng hợp, men đường ruột, bổ gan, tăng sức đề kháng … vào khẩu phần ăn để giúp tôm tăng sức đề kháng và tăng trưởng tốt.

III. GIAI ĐOẠN 2 *(Nuôi thương phẩm)*

Sau 20 - 30 ngày ương chuyển tôm sang vuông nuôi (giai đoạn 2).

Mật độ: Nuôi quảng canh cải tiến 6 con/m^2; nuôi quảng canh, tôm - rừng, tôm - lúa: 3 con/m^2.

Trong quá trình nuôi, luôn duy trì màu nước xanh nhạt hoặc nâu nhạt; độ trong 30 - 40cm để tạo nguồn thức ăn tự nhiên.

Khi tôm được 1 - 1,5 tháng tuổi sử dụng thức ăn công nghiệp liều lượng 3 - 5% trọng lượng đàn tôm. Bổ sung khoáng, vitamin, men tiêu hóa vào thức ăn giúp tôm tăng sức đề kháng và phát triển tốt, tăng trọng nhanh, hạn chế dịch bệnh xảy ra trên tôm.

Thường xuyên kiểm tra trạng thái hoạt động, sức khỏe của tôm, kiểm tra các yếu tố môi trường của vuông nuôi như pH, nhiệt độ, độ trong, độ kiềm,... thường xuyên kiểm tra bờ bao, cống cấp và thoát nước để có biện pháp xử lý kịp thời, định kỳ 10 - 15 ngày sử dụng chế phẩm sinh học để làm sạch môi trường nước trong vuông nuôi.

Sau 4 - 5 tháng nuôi, tôm đạt kích cỡ 30 - 40 con/kg thì thu hoạch bằng cách thu tỉa hoặc tháo cạn ao thu toàn bộ■

TRẦN THANH HẢI
Trung tâm Khuyến nông Cà Mau

QUY TRÌNH KỸ THUẬT PHÒNG, CHỐNG SÂU KEO MÙA THU

Để phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn nông dân áp dụng các biện pháp phòng chống sâu keo mùa thu hiệu quả và an toàn, Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu. Nội dung quy trình cụ thể như sau:

I. Một số đặc điểm hình thái, sinh học, sinh thái

1. Đặc điểm hình thái

Loài sâu keo mùa thu có tên tiếng Anh là Fall Armyworm (viết tắt là FAW), tên khoa học là *Spodoptera frugiperda* J.E. Smith, thuộc Bộ cánh vảy (Lepidoptera), Họ ngài đêm (Noctuidea).

Trứng có hình cầu, đường kính 0,75 mm. Trứng mới đẻ có màu xanh, sau đó chuyển sang màu trắng sữa, trước khi nở chuyển sang màu nâu nhạt.

Sâu non có 6 tuổi, tuổi 1 - 2 cơ thể màu xanh nhạt - vàng nhạt là phổ biến. Khi sâu non phát triển tuổi 3 - 6 có màu nâu xám - nâu sẫm với các sọc dọc thân. Tùy theo môi trường thức ăn, sâu non có màu nâu nhạt - xanh đen. Kích thước sâu non tuổi 1 dài khoảng 0,5 mm, lên tuổi 3 sâu non dài 6 - 9 mm; tuổi 6 đẫy sức sâu non dài 30 - 40 mm.

Trên trán sâu non tuổi lớn nhìn rõ hình chữ Y ngược màu vàng, mặt lưng màu đen với lông cứng dài. Trên mặt lưng, đốt bụng cuối có bốn đốm đen được sắp xếp thành hình vuông, trong khi các đốt khác có 4 đốm đen xếp thành hình thang.

Nhộng sâu keo mùa thu dạng nhộng bọc, màu nâu cánh gián sáng bóng. Nhộng đực dài 13 - 15 mm còn nhộng cái dài 16 - 17 mm. Đốt bụng cuối cùng có 2 gai.

Trưởng thành đực có chiều dài trung bình 16 mm, sải cánh trung bình 37 mm. Phần cánh trước lốm đốm nâu nhạt, xám với một đốm hình bầu dục màu xám trắng - vàng rơm. Cánh trước của trưởng thành cái không có hoa văn rõ ràng.

2. Đặc điểm sinh học, sinh thái

Trưởng thành hoạt động về ban đêm, từ khi vũ hóa đến đẻ trứng có thể bay nhiều km để tìm nơi đẻ trứng, chúng có thể di chuyển xa hàng trăm ki-lô-mét nhờ gió. Trưởng thành sống trung bình 12 - 14 ngày.

Trưởng thành đẻ trứng vào ban đêm, đẻ thành ổ xếp thành hai lớp trứng là chủ yếu. Vị trí ổ trứng thường ở mặt trên của phiến lá hoặc cạnh cuống lá. Mỗi ổ trứng khoảng 50 - 200 quả/ổ, xếp thành 2 - 3 lớp và được bao phủ bởi một lớp lông màu hồng - xám. Một trưởng thành cái có sức đẻ từ 6 - 10 ổ trứng, tương đương 1.000 - 2.000 trứng. Thời gian trứng nở sau 2 - 10 ngày, trung bình 3 - 5 ngày ở nhiệt độ 20 - 30^{0}C.

Sâu non là giai đoạn gây hại của sâu keo mùa thu. Sâu non có 6 tuổi, thời gian pha sâu non kéo dài 14 - 21 ngày, nếu độ ẩm cao, nhiệt độ thấp thì thời gian pha sâu non kéo dài khoảng 30 ngày.

Sâu non mới nở nhanh chóng di chuyển đến những vị trí có lá non. Sâu non mới nở có thể nhả tơ để nhờ gió phát tán đến các cây khác gần đó để gây hại. Sâu non tuổi lớn có tập tính cắn chết sâu non tuổi nhỏ.

Nhộng vũ hóa phần lớn trong đất ở độ sâu 2 - 8 cm, một số ít trường hợp bắt gặp hóa nhộng giữa các lá, nách bẹ lá của cây ký chủ hoặc trong bắp ngô. Thời gian pha nhộng 9 - 13 ngày ở nhiệt độ 14,6^{0}C.

3. Đặc điểm gây hại

Chỉ pha sâu non gây hại trên cây trồng, sâu non tuổi 1 - 2 ăn biểu bì ở mặt dưới của lá non, gây ra các vết hình vuông hoặc hình chữ nhật màu trắng đặc trưng. Sâu non tuổi lớn hơn ăn khuyết lá, bẹ lá tạo thành các lỗ lớn như "cửa sổ". ☞

4. Cây ký chủ

Sâu keo mùa thu có thể ăn hơn 300 loài thực vật, bao gồm ngô, bông, đậu tương, lúa, mía, cây rau, cà... Tuy nhiên sâu ưa thích nhất cây ngô, nhất là ngô ngọt, ngô nếp và ngô rau.

Triệu chứng gây hại trên cây ngô của sâu keo mùa thu

5. Con đường xâm nhập, lây lan

Sâu keo mùa thu có thể xâm nhập qua các con đường chính:

- Sâu non di chuyển ở khoảng cách gần (cây này sang cây khác; ruộng này sang ruộng khác).

- Sâu non, nhộng, trứng, thậm chí là trưởng thành di chuyển theo sản phẩm, phế phụ phẩm của cây ký chủ (ngô, cỏ thức ăn chăn nuôi, cỏ sân golf, ...), trong quá trình người dân vận chuyển cây ký chủ qua biên giới hoặc theo hàng hóa thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc giữa các địa phương trong nước.

- Trưởng thành tự bay tìm nơi đẻ trứng ở khoảng cách vài trăm mét đến hàng chục ki-lô-mét.

- Trưởng thành di trú có thể bay theo gió xa hàng trăm ki-lô-mét.

II. Biện pháp phòng, chống

Phòng, chống sâu keo mùa thu bằng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp, gồm:

1. Biện pháp canh tác

- Làm sạch cỏ dại xung quanh vườn trồng ngô để hạn chế nơi trú ẩn của sâu.

- Làm đất rồi phơi đất khô để ấu trùng, nhộng trong đất chết hoặc dễ dàng bị thiên địch tiêu diệt.

- Luân canh ngô - lúa nước ngay sau vụ ngô để diệt nhộng trong đất. Làm đất kỹ cũng góp phần diệt nhộng trong đất.

2. Biện pháp thủ công

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, đặc biệt ở giai đoạn ngô 3 - 6 lá để phát hiện ổ trứng, ngắt tiêu hủy.

- Sử dụng tro bếp hoặc nước xà phòng loãng đổ vào nõn ngô diệt sâu non.

3. Biện pháp sinh học

- Hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học để bảo vệ thiên địch của sâu keo mùa thu.

- Sử dụng chế phẩm nấm xanh, nấm trắng, vi khuẩn Bt, virus NPV để phun trừ khi sâu tuổi nhỏ.

- Nhân thả ong ký sinh trứng (ong mắt đỏ, ...), các loài bắt mồi ăn thịt như bọ đuôi kìm để kiểm soát sâu non mới nở - tuổi nhỏ.

4. Biện pháp bẫy, bả

- Bẫy bả, bẫy đèn: Sử dụng bẫy dính màu vàng có Pheromone giới tính, bẫy bả chua ngọt hoặc bẫy đèn để diệt trưởng thành.

- Bẫy cây trồng: Trên cánh đồng trồng ngô, trồng một số diện tích cỏ voi, ngô nếp sớm hơn so với thời vụ chung để dẫn dụ trưởng thành đến đẻ trứng. Sử dụng bẫy diệt trưởng thành, ngắt ổ trứng và phun trừ sâu non trên các diện tích bẫy cây trồng.

5. Biện pháp hóa học

- Sử dụng các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng để phun trừ khi sâu đa số tuổi 1-3 (giai đoạn ngô 3-6 lá), phun sáng sớm hoặc chiều mát.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng.

Để phòng trừ kịp thời và hiệu quả loài sâu hại này, Cục Bảo vệ thực vật đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn sử dụng tạm thời các loại thuốc bảo vệ thực vật để phòng trừ sâu keo mùa thu. Các loại thuốc bảo vệ thực vật này chỉ được phép sử dụng phòng trừ sâu keo mùa thu trong thời gian tối đa là ngày 31/12/2019. Cục Bảo vệ thực vật sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký thuốc để phòng trừ sâu keo mùa thu vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam■

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Danh sách các hoạt chất phòng trừ sâu keo mùa thu

TT	Hoạt chất	Liều lượng (g a.i/ha)	Thời điểm phun
1	*Bacillus thuringiensis*	300 - 500	Phun 2 lần, cách nhau 7 ngày. Phun thuốc khi sâu mới xuất hiện, tuổi 1 - 2. Lượng nước phun 400 - 600 lít/ha. Phun theo hàng ướt đều 2 mặt lá và nách lá.
2	*Spinetoram*	30 - 36	Phun giai đoạn cây có 4 đến 6 lá thật khi sâu mới xuất hiện ở tuổi 1 - 2. Phun 2 lần, cách nhau 10 - 12 ngày, lượng nước phun 400 - 600 lít/ha. Phun theo hàng ướt đều 2 mặt lá và nách lá.
3	*Indoxacarb*	75	Phun giai đoạn cây có 4 đến 6 lá thật khi sâu mới xuất hiện tuổi 1 - 2. Phun 2 lần, cách nhau 10 - 12 ngày, lượng nước phun 400 - 600 lít/ha. Phun theo hàng ướt đều 2 mặt lá và nách lá.
4	*Lufenuron*	30	Phun giai đoạn cây có 4 đến 6 lá thật khi sâu mới xuất hiện tuổi 1 - 2. Phun 2 lần, cách nhau 10 - 12 ngày, lượng nước phun 400 - 600 lít/ha. Phun theo hàng ướt đều 2 mặt lá và nách lá.

? TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Gia đình tôi trồng 500 cây bạch đàn đã được 6 tháng tuổi. Hiện cây bị sâu cuốn lá làm rụt ngọn, không phát triển được, có nhiều bọ đen bám trên lá, có cây thân bị sùi. Xin hỏi đó là biểu hiện của bệnh gì và biện pháp khắc phục?***

Hữu Minh - Sông Lô, Vĩnh Phúc

Đáp:

Theo mô tả ở trên cho thấy cây bạch đàn của gia đình đã bị 2 đối tượng sâu cuốn lá và ong xanh gây hại tạo các vết sùi trên thân cành. Biện pháp khắc phục như sau:

- Đối với sâu cuốn lá, sử dụng một trong các loại thuốc như: ACTARA 25 WG,PADAN 95 SP, REGENT 800 WG, KARATE 2.5 EC,... để phun trừ theo nồng độ khuyến cáo và phun lại lần 2 sau 5 - 7 ngày.

- Đối với ong xanh, có thể sử dụng một số loại thuốc trừ sâu sinh học để phun trừ khi cây ở vườn ươm và vườn mới trồng các năm đầu. Ngoài ra, để phòng hiện tượng ong xanh gây hại cây bạch đàn, nên chọn các giống bạch đàn có sức sinh trưởng mạnh. Đồng thời, cần bảo vệ môi trường rừng trồng nhằm tận dụng các loài thiên địch tự nhiên để tiêu diệt ong.

Chọn giống bạch đàn có sức sinh trưởng tốt để phòng trừ các đối tượng sâu gây hại

Hỏi: ***Xin cho biết những biện pháp điều trị bệnh đóng dấu trên lươn?***

Nguyễn Văn Thuận - huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế

Đáp:

Bệnh đóng dấu thường xảy ra khi lươn bị xây sát, khi đó các vi khuẩn, ký sinh trùng sẽ bám vào vết thương và sinh sống, phát triển dần thành những vết loét lớn. Khi bị bệnh, trên mình lươn xuất hiện những vết hình tròn hoặc bầu dục màu đỏ xen lẫn các vùng da lở loét. Nếu bệnh nặng, đuôi lươn sẽ bị rụng, bơi lội khó khăn, đầu lươn thường ngóc lên khỏi mặt nước để thở, lươn mệt mỏi, yếu dần rồi chết. Phòng bệnh bằng cách nuôi với mật độ thích hợp, tắm lươn bằng muối ăn nồng độ 200 - 300g/10 lít nước trong 15 - 20 phút trước khi thả.

Thường xuyên thay nước trong quá trình nuôi hoặc định kỳ 5 - 7 ngày tắm lươn bằng $KMnO_4$, liều lượng 3 - 5 g/m^3 và hạn chế những tác động trực tiếp đến lươn, đặc biệt trong thời điểm nắng nóng. Trị bệnh bằng kháng sinh Streptomycin, trộn vào thức ăn với liều lượng 50 - 70 mg/kg lươn hoặc tắm với liều lượng 250 - 300 g/100 m^3 nước, xử lý liên tục trong 5 - 7 ngày.

Hỏi: ***Gia đình tôi có nuôi một đàn dê 7 con, được 3 tháng tuổi. Trong thời gian gần đây 2 con dê bị ho kéo dài, bị tiêu chảy phân nhớt, ăn uống bình thường, gia đình chưa cho dùng thuốc. Xin hỏi quý báo nguyên nhân và cách khắc phục ?***

Dương Văn Tính - huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An

Đáp:

Theo triệu chứng của bác mô tả cho thấy dê bị viêm phổi ghép tiêu chảy.

Để trị bệnh: Dùng các kháng sinh như Ampicillin, Penicillin, Lincospecto, Oxytetracyclin...liều theo hướng dẫn sử dụng của hãng thuốc. Kết hợp bổ sung Vitamin, thuốc trợ sức, trợ lực.

Khi điều trị bệnh, việc tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, cải thiện môi trường chăn nuôi, tăng thông thoáng và vệ sinh là điều quan trọng giúp dê nhanh hồi phục.

Để phòng bệnh cần:

+ Thực hiện vệ sinh phòng bệnh.

+ Mua dê giống ở những nơi an toàn bệnh. Cách ly con ốm và con khoẻ.

+ Định kỳ tẩy uế chuồng trại và môi trường xung quanh.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

KIÊN GIANG: NÔNG DÂN LÃI CAO NHỜ DƯA LÊ ĐƯỢC GIÁ

Huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã xuống giống hơn 512 ha hoa màu, vượt 2,5% kế hoạch với các loại chủ yếu như: dưa gang, dưa hấu, dưa hoàng kim, đặc biệt là dưa lê. Gần 400 ha dưa đã được thu hoạch với năng suất bình quân 18 - 20 tấn/ha. Địa phương thực hiện trồng dưa theo mô hình sản xuất vụ lúa - vụ màu, đạt lợi nhuận từ 200 triệu đồng/ha trở lên.

Năm nay, dưa được giá, thương lái mua tại ruộng là 5.000 - 8.000 đồng/kg. Chi phí đầu tư 7 - 8 triệu/công. So với nhiều loại rau màu khác ở vùng U Minh Thượng, dưa lê được nhiều nông dân lựa chọn để phát triển kinh tế bởi những ưu điểm: thích hợp trên đất ruộng gò cao, dễ trồng, ngắn ngày, ít sâu bệnh, năng suất cao, giá và thị trường tiêu thụ ổn định,...

Huyện Vĩnh Thuận đang quy hoạch, hỗ trợ nông dân trồng dưa lê theo hướng VietGAP để tăng năng suất, chất lượng, tạo ra sản phẩm nông sản an toàn giá trị kinh tế cao. Bà con sẽ được chuyển giao kỹ thuật, quy trình canh tác; hỗ trợ vốn; được học tập kinh nghiệm trồng dưa theo hướng công nghệ cao; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể... từng bước đưa sản phẩm dưa lê vào siêu thị và hướng tới xuất khẩu.

Theo Baotintuc

SƠN LA DỰ KIẾN THU VỀ 2,5 TRIỆU USD TỪ XUẤT KHẨU XOÀI

Năm 2019, tổng diện tích xoài toàn tỉnh Sơn La đạt 15.700 ha, sản lượng dự kiến 35.463 tấn, tập trung chủ yếu tại các huyện Yên Châu, Mường La, Mai Sơn, Sông Mã, Mộc Châu...

Huyện Mường La đã tập trung phát triển sản xuất, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm, mã vùng trồng, tem, nhãn, mác đảm bảo điều kiện sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản an toàn trên địa bàn huyện. Đồng thời huyện cũng đã đẩy mạnh hướng dẫn các hợp tác xã, hộ gia đình kỹ thuật sản xuất theo quy trình VietGAP, đảm bảo năng suất, chất lượng và yêu cầu từ các đối tác xuất khẩu. Từ đầu tháng 5 đến 21/5, huyện Mường La đã xuất khẩu chính ngạch 195 tấn xoài sang thị trường Trung Quốc. Còn huyện Mai Sơn hiện có hơn 2.000 ha xoài, chủ yếu là xoài tượng da xanh Đài Loan. Trong đó, có 800 ha cho sản phẩm, năng suất bình quân từ 7 - 10 tấn/ha, sản lượng gần 7.000 tấn.

Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I vừa cấp mã số vùng trồng xoài cho 6 tổ chức, cá nhân tại huyện Mai Sơn, Yên Châu với diện tích gần 41,5 ha. Ước tính sản lượng xoài cung ứng đủ điều kiện xuất khẩu khoảng 5.522 tấn. Dự kiến năm 2019, toàn tỉnh sẽ xuất khẩu 5.000 tấn xoài, trị giá khoảng 2,5 triệu USD vào các thị trường: Trung Quốc, Australia, Mỹ.

Theo Vietnambiz

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

ẤN ĐỘ: ĐƯỜNG TỒN KHO CÓ THỂ LÊN 15 TRIỆU TẤN VÀO VỤ SAU

Xuất khẩu đường của Ấn Độ dự kiến không đạt mục tiêu 5 triệu tấn như Chính phủ đề ra do giá cả toàn cầu suy yếu. Nếu tình hình xuất khẩu còn trì trệ, quốc gia này sẽ phải đối mặt với lượng hàng tồn kho từ 14 - 15 triệu tấn trong mùa tới.

Sản lượng đường xuất khẩu từ ngày 1/10/2018 đến ngày 13/5/2019 của Ấn Độ ở mức 2,13 triệu tấn, theo dữ liệu từ Hiệp hội Thương mại Đường Ấn Độ. Lượng xuất khẩu lũy kế theo các hợp đồng đạt khoảng 2,85 triệu tấn và niên vụ hiện tại đạt khoảng 480.000 tấn. Trong đó, 243.811 tấn đang được dự trữ tại các cảng khác nhau. Các nhà máy đường Ấn Độ dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện hạn ngạch xuất khẩu đã được phân bổ để giảm tình trạng dư cung ở thị trường nội địa. Các nhà máy của Ấn Độ phải hoàn thành chỉ tiêu xuất khẩu trước khi mùa mới bắt đầu vào tháng 10. Tuy nhiên, các nhà máy địa phương không có nhiều lợi nhuận trong việc xuất khẩu do giá nội địa cao. Đường trắng chất lượng thấp của Ấn Độ giao tháng 6 ở mức 340 USD/tấn trong điều kiện giao hàng tại cảng (FOB), cao hơn 5 -10 USD/tấn đối với đường tinh luyện 45i của Thái Lan trên cơ sở giá cố định.

Hàng tồn kho ứ đọng cùng với giá trong nước cao phản ánh triển vọng không lạc quan cho thị trường đường Ấn Độ. Khối lượng đường tồn kho có thể mất 8 - 9 tháng để tiêu thụ.

Theo Vietnambiz

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ GIÁ CẢ NỘI ĐỊA MẶT HÀNG QUẢ VẢI TRUNG QUỐC

Trung Quốc có diện tích trồng và sản lượng quả vải hàng năm lớn nhất thế giới. Vải được trồng nhiều ở các tỉnh vùng phía Nam sông Trường Giang như Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Hải Nam và một số tỉnh khác với sản lượng ít hơn như Tứ Xuyên, Quý Châu và Vân Nam.

Vụ thu hoạch vải tại Trung Quốc bắt đầu từ giữa tháng 02 đến cuối tháng 7 hàng năm, sớm và kéo dài hơn so với vụ thu hoạch vải của Việt Nam do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và giống vải phong phú hơn. Năm 2018, diện tích trồng vải của Trung Quốc khoảng 542.000 ha với sản lượng đạt khoảng 2,3 triệu tấn, mức cao kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây. Tuy nhiên, hàng năm Trung Quốc vẫn nhập khẩu quả vải tươi từ các thị trường khác, trong đó phần lớn là từ Việt Nam.

Năm 2019 tại các địa phương có diện tích trồng và sản lượng lớn đạt tỉ lệ thấp, dẫn đến sản lượng quả vải tại nội địa Trung Quốc giảm. Theo số liệu ghi nhận được từ Bộ Thương mại Trung Quốc gần đây, giá vải bán buôn vào những ngày cuối tháng 5 tại các chợ đầu mối một số địa phương của Trung Quốc dao động từ 12 Nhân dân tệ (NDT)/kg đến 31 NDT/kg. Trong đó, giá vải tại Chiết Giang vào khoảng 12 NDT/kg; Quảng Đông, Giang Tô và Bắc Kinh lần lượt là 17 NDT/kg, 20 NDT/kg và 25 NDT/kg; tỉnh An Huy ghi nhận mức giá cao nhất trong ngày, đạt 31 NDT/kg (01 NDT hiện tương đương với khoảng 3.380 VNĐ).

Theo Vinanet